

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Ngô Minh Hùng**  
Giảng viên hướng dẫn : **T.S Nghiêm Thị Thà**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Minh Hùng  
Giảng viên hướng dẫn: T.S Nghiêm Thị Thà**

**HẢI PHÒNG – 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Ngô Minh Hùng

Mã SV: 110386

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: tìm hiểu về một số khái niệm cơ bản về tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, chi phí và những nội dung cơ bản.

- Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam: tìm hiểu sâu hơn, chi tiết hơn công tác kế toán tại công ty.

- Đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam: rút ra những ưu điểm, nhược điểm của công ty từ đó đưa ra kiến nghị để giúp khắc phục các nhược điểm đó.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các chứng từ, tài liệu, sổ sách kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Số liệu được lấy trong tháng 12 năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Thực tập tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam, lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nghiêm Thị Thà.....

Học hàm, học vị: Tiến sĩ.....

Cơ quan công tác: Học viện Tài Chính.....

Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 09 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 26 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Ngô Minh Hùng

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Nghiêm Thị Thà

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Cầu thị, nghiêm túc chấp hành theo kế hoạch làm đề tài.
  - Tiếp thu được các ý kiến cơ bản của giáo viên hướng dẫn.
- .....
- .....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Mô tả được quy trình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Số liệu minh họa hợp lý.
  - Đã đề xuất được một số ý kiến để giải quyết các vấn đề kế toán thực tế tại công ty.
- .....
- .....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....10.( Mười).....

.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(họ tên và chữ ký)*

Nguyễn Thị Thà

# MỤC LỤC

## LỜI MỞ ĐẦU

## CHƯƠNG I: TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

XUẤT .....	9
1.1 Các khái niệm cơ bản:.....	12
1.1.1 Khái niệm về tiêu thụ sản phẩm:.....	12
1.1.2 Khái niệm về doanh thu: .....	13
1.1.2.1 Doanh thu: .....	13
1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:.....	16
1.1.3 Khái niệm về chi phí:.....	20
1.1.4 Khái niệm về kết quả hoạt động kinh doanh: .....	22
1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: .....	23
1.3 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: .....	23
1.3.1 Kế toán Doanh thu:.....	23
1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng:.....	23
1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ:.....	25
1.3.1.3 Kế toán thuế xuất khẩu, thuế TTĐB:.....	26
1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	27
1.3.2.1 Giá vốn hàng bán: .....	27
1.3.2.2 Chi phí bán hàng:.....	29
1.3.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp: .....	31
1.3.3 Kế toán các khoản doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính: .....	32
1.3.3.1 Doanh thu hoạt động tài chính: .....	32
1.3.3.2 Chi phí tài chính:.....	33
1.3.4 Kế toán các khoản thu nhập và chi phí từ hoạt động khác: .....	35
1.3.4.1 Thu nhập khác: .....	35
1.3.4.2 Chi phí khác: .....	35
1.3.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	38
1.3.5.1 Kế toán Chi phí thuế TNDN: .....	38
1.3.5.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh: .....	39
1.4 Hệ thống sổ và quy trình luân chuyển chứng từ: .....	40

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:	41
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái:	42
1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:	43
1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ:	44
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính:	45
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM</b>	
<b>NAKASHIMA VIỆT NAM</b>	46
<b>2.1 Tổng quan về công ty TNHH Nakashima Việt Nam:</b>	46
<b>2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:</b>	46
<b>2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:</b>	48
<b>2.1.3 Một số kết quả kinh doanh đạt được và định hướng của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:</b>	53
<b>2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam:</b>	54
<b>2.2.1 Kế toán doanh thu:</b>	54
<b>2.2.1.1 Doanh thu bán hàng:</b>	54
<b>2.2.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	70
<b>2.2.1.3 Thuế xuất khẩu:</b>	71
<b>2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán:</b>	71
<b>2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng:</b>	79
<b>2.2.4 Chi phí Quản lý doanh nghiệp:</b>	85
<b>2.2.4.1 Tính lương phải trả và các khoản trích BHXH, BHYT cho nhân viên quản lý:</b>	86
<b>2.2.4.2 Chi phí văn phòng phẩm:</b>	89
<b>2.2.4.3 Chi phí đồ dùng văn phòng:</b>	90
<b>2.2.4.4 Trích khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý:</b>	91
<b>2.2.4.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài:</b>	93
<b>2.2.5 Chi phí Tài chính và Doanh thu Tài chính:</b>	100
<b>2.2.5.1 Chi phí tài chính:</b>	100



2.2.5.2 Doanh thu tài chính: .....	104
2.2.6 Chi phí khác và thu nhập khác: .....	108
2.2.6.1 Chi phí khác: .....	108
2.2.6.2 Thu nhập khác: .....	112
2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh: .....	116
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN</b>	
<b>DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG</b>	
<b>TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM .....</b>	
<b>129</b>	
<b>3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả</b>	
<b>kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam: .....</b>	<b>129</b>
3.1.1 Các kết quả đạt được: .....	129
3.1.1.1 Việc sử dụng hệ thống chứng từ: .....	129
3.1.1.2 Việc sử dụng hệ thống tài khoản: .....	129
3.1.1.3 Việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán: .....	130
3.1.1.4 Việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ: .....	130
3.1.2 Các tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	
kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam: .....	130
3.1.2.1 Việc sử dụng hệ thống tài khoản: .....	131
3.1.2.2 Việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán: .....	131
3.1.2.3 Hạn chế về thị trường tiêu thụ: .....	131
3.2 Các kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định	
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam: .....	132
3.2.1 Đưa ra các mức chiết khấu phù hợp: .....	132
3.2.2 Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt	
hàng tiêu thụ để xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng: .....	132
3.2.3 Mở rộng thị trường tiêu thụ: .....	136
<b>KẾT LUẬN</b>	

## LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt Nam cũng đang dần phát triển theo xu hướng hội nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú làm xuất hiện sự cạnh tranh gay gắt trong thị trường cũng như giữa các doanh nghiệp. Để có thể vượt qua được sự chọn lọc của thị trường, sự cạnh tranh quyết liệt đó, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải năng động sáng tạo, giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh sao cho vững chắc và có lợi nhất.

Trong nền kinh tế tập trung, khi mà ba vấn đề trung tâm: “Sản xuất cái gì? Bằng cách nào? Cho ai?” đều do Nhà nước quyết định thì công tác tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh chỉ là việc tổ chức bán sản phẩm, hàng hóa sản xuất ra theo kế hoạch và giá cả được ấn định từ trước. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải tự mình quyết định “Ba vấn đề trung tâm” thì vấn đề này trở nên vô cùng quan trọng vì nếu doanh nghiệp nào tổ chức tốt nghiệp vụ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh sẽ có điều kiện tồn tại và phát triển. Ngược lại, doanh nghiệp nào không tiêu thụ được hàng hóa của mình, không quản lý tốt các chi phí bỏ ra, xác định không chính xác kết quả bán hàng sẽ dẫn đến tình trạng “lãi giả, lỗ thật”, thì sớm muộn cũng đi đến chỗ phá sản. Thực tế, nền kinh tế thị trường đã và đang cho thấy rõ điều đó.

Để quản lý được tốt nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, tránh lãng phí các khoản chi phí bỏ ra không cần thiết, xác định chính xác kết quả kinh doanh thì kế toán với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế cũng phải được thay đổi và hoàn thiện hơn sao cho phù hợp với từng doanh nghiệp cũng như nền kinh tế mới.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề trên, qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam, được sự hướng dẫn tận tình, chu đáo của giảng viên hướng dẫn Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà cùng với sự giúp đỡ của các cán bộ trong phòng Kế toán công ty, em đã hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp của mình với đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam”***.

Do thời gian thực tập không nhiều nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Kính mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

---

---

# **CHƯƠNG I: TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

## **1.1 Các khái niệm cơ bản:**

### **1.1.1 Khái niệm về tiêu thụ sản phẩm:**

Sản phẩm là thành phẩm đã được chế tạo xong ở giai đoạn chế biến cuối cùng của quy trình công nghệ trong doanh nghiệp sản xuất, được kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và đã nhập kho trong doanh nghiệp.

Ngày nay, không một doanh nghiệp nào bắt tay vào kinh doanh lại không muốn gắn kinh doanh của mình với thị trường, chỉ có như vậy doanh nghiệp mới hy vọng tồn tại và phát triển được. Trên thị trường đó, sản phẩm của doanh nghiệp tạo ra chỉ có thể trở thành hàng hóa lưu thông được là do hoạt động tiêu thụ sản phẩm của chính doanh nghiệp quyết định. Vậy, tiêu thụ sản phẩm là gì?

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối với một bên là tiêu dùng.

Trong nền kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp phải tự mình quyết định ba vấn đề quan trọng của sản xuất “ Sản xuất cái gì? Bằng cách nào? Cho ai? ”, nên việc tiêu thụ sản phẩm cần được hiểu theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp:

- Theo nghĩa rộng: Tiêu thụ sản phẩm là một quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, đặt hàng và tổ chức sản xuất đến việc tổ chức các nghiệp vụ tiêu thụ, xúc tiến bán hàng... nhằm mục đích đạt hiệu quả cao nhất.

- Theo nghĩa hẹp: Tiêu thụ sản phẩm là việc chuyển dịch quyền sở hữu sản phẩm đã thực hiện cho khách hàng đồng thời thu được tiền hàng hoặc được quyền thu tiền bán hàng, khi đó quá trình tiêu thụ sản phẩm kết thúc.

---

---

## **1.1.2 Khái niệm về doanh thu:**

### **1.1.2.1 Doanh thu:**

#### **Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

#### **Phân loại**

Doanh thu của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền thu được từ bán sản phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ, tiền lãi...và các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Từ đó, các khoản doanh thu được phân loại như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

- Doanh thu bán hàng nội bộ: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty.

---

---

• Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản lợi ích kinh tế từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

### **Nguyên tắc, điều kiện ghi nhận các khoản doanh thu**

• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau: Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua; Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

---

---

- Trong trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại, và doanh nghiệp phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu,...

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, bất động sản đầu tư đã bán; dịch vụ đã cung cấp trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

• Doanh thu bán hàng nội bộ:

- Kế toán doanh thu nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Các khoản doanh thu này chỉ sử dụng cho các đơn vị có bán hàng nội bộ giữa các đơn vị trong một công ty hay một Tổng công ty.

- Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của công ty, Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

---

---

Kết quả kinh doanh của công ty, Tổng công ty bao gồm kết quả phần bán hàng nội bộ và bán hàng ra bên ngoài.

- Doanh thu bán hàng nội bộ được hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ cho từng đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng công ty hoặc Tổng công ty để lấy số liệu lập báo cáo tài chính hợp nhất.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:**

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức,... và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

- Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, số lãi về trái phiếu, tín phiếu hoặc cổ phiếu.

- Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

- Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ, còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.

- Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

### **1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:**

#### **Khái niệm và phân loại**

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm,



---

---

bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Chiết khấu thương mại: là các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

- Hàng bán bị trả lại: là giá trị của số sản phẩm bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

- Giảm giá hàng bán: phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Thuế TTĐB: là số tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp Ngân sách Nhà nước, được tính theo mức thuế suất mà Nhà nước quy định đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB.

- Thuế xuất khẩu: là số tiền thuế mà doanh nghiệp phải nộp Ngân sách Nhà nước, được tính theo mức thuế suất mà Nhà nước quy định đối với các sản phẩm, dịch vụ xuất khẩu.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu

---

---

dùng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. Số thuế phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

### **Nguyên tắc, điều kiện ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu:**

- **Chiết khấu thương mại:**

- Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào Tài khoản Chiết khấu thương mại. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

- Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được sử dụng để xác định doanh thu thuần của khối sản phẩm, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo.

- **Hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị của hàng bán bị trả lại được phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm đã bán ra trong kỳ.

---

---

- Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào khoản chi phí bán hàng.

- Cuối kỳ, các khoản hàng bán bị trả lại được sử dụng để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

• Giảm giá hàng bán:

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

- Cuối kỳ, các khoản giảm giá hàng bán phát sinh được sử dụng để xác định doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.

• Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:

- Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp. Việc kê khai đầy đủ, chính xác số thuế, phí và lệ phí phải nộp là nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí và lệ phí cho Nhà nước. Trường hợp có thông báo số thuế phải nộp, nếu có thắc mắc và khiếu nại về mức thuế, về số thuế phải nộp theo thông báo thì cần được giải quyết kịp thời theo quy định. Không được vì bất cứ lý do gì để trì hoãn việc nộp thuế.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp và còn phải nộp.

- Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán (nếu ghi sổ bằng Đồng Việt Nam).

---

---

### **1.1.3 Khái niệm về chi phí:**

#### **Khái niệm**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của một doanh nghiệp là tạo ra những sản phẩm nhất định và tiêu thụ những sản phẩm đó trên thị trường nhằm thu được lợi nhuận. Nhưng bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì cũng đều phải bỏ ra những khoản chi phí nhất định.

Các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trước hết là các chi phí cho việc sản xuất sản phẩm. Trong khi tiến hành sản xuất, các doanh nghiệp phải tiêu hao các vật tư như: nguyên vật liệu, hao mòn máy móc, thiết bị, các công cụ dụng cụ, các khoản chi phí về tiền lương hay tiền công cho người lao động.

Doanh nghiệp ngoài việc sản xuất, chế biến còn phải tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Trong quá trình này doanh nghiệp cũng phải bỏ ra những khoản chi phí nhất định như: chi phí về bao gói sản phẩm, chi phí vận chuyển, bảo quản... Ngoài ra, để giới thiệu rộng rãi sản phẩm cho người tiêu dùng, cũng như thăm dò khảo sát thị trường nhằm đề ra những quyết định có tính chất tối ưu đối với việc sản xuất thì doanh nghiệp cũng phải bỏ ra các chi phí về nghiên cứu, tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu hay bảo hành sản phẩm...

Ngoài những chi phí sản xuất và chi phí sinh hoạt, trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp còn bỏ ra những khoản chi phí phục vụ cho những hoạt động của bộ máy quản lý doanh nghiệp có liên quan đến quá trình kinh doanh.

Như vậy, chi phí sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp là toàn bộ chi phí sản xuất, chi phí tiêu thụ sản phẩm, chi phí quản lý doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

#### **Phân loại**

Từ khái niệm nêu trên, chi phí được phân loại như sau:

- Giá vốn hàng bán: phản ánh giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Ngoài ra, còn

---

---

phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư.

- Chi phí tài chính: bao gồm những khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

- Chi phí bán hàng: phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, BHXH, BHYT,...), chi phí vật liệu, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành, bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí chung của doanh nghiệp, gồm có các chi phí về lương nhân viên quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...), chi phí vật liệu văn phòng, công cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí điện, nước...

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), bao gồm: chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

---

---

## **Nguyên tắc, điều kiện ghi nhận các khoản chi phí**

- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán sản phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Chi phí tài chính phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí, trừ những nội dung chi phí sau: Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ; Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp; Chi phí kinh doanh bất động sản; Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản; Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, mà chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được theo dõi chi tiết.

### **1.1.4 Khái niệm về kết quả hoạt động kinh doanh:**

#### **Khái niệm**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả tổng hợp một quá trình từ khi thu mua nguyên vật liệu (đầu vào) đến quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thường được xác định theo từng kỳ nhất định.

#### **Phân loại**

Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

---

---

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

## **1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Tổ chức theo dõi, kiểm soát chặt chẽ quá trình tiêu thụ sản phẩm.
- Theo dõi, kiểm tra tính xác thực của các chứng từ phát sinh.
- Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác nội dung các chứng từ vào sổ sách kế toán.
- Tuân theo đúng quy trình luân chuyển chứng từ của hình thức mà doanh nghiệp sử dụng.
- Số liệu phải được tính toán cẩn thận, chính xác.
- Đảm bảo các công tác kế toán được thực hiện theo đúng chế độ mà doanh nghiệp áp dụng.

## **1.3 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

### **1.3.1 Kế toán Doanh thu:**

#### **1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng:**

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó:

- TK 5111- Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK 512- Doanh thu bán hàng nội bộ. Trong đó:

- TK 5121- Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

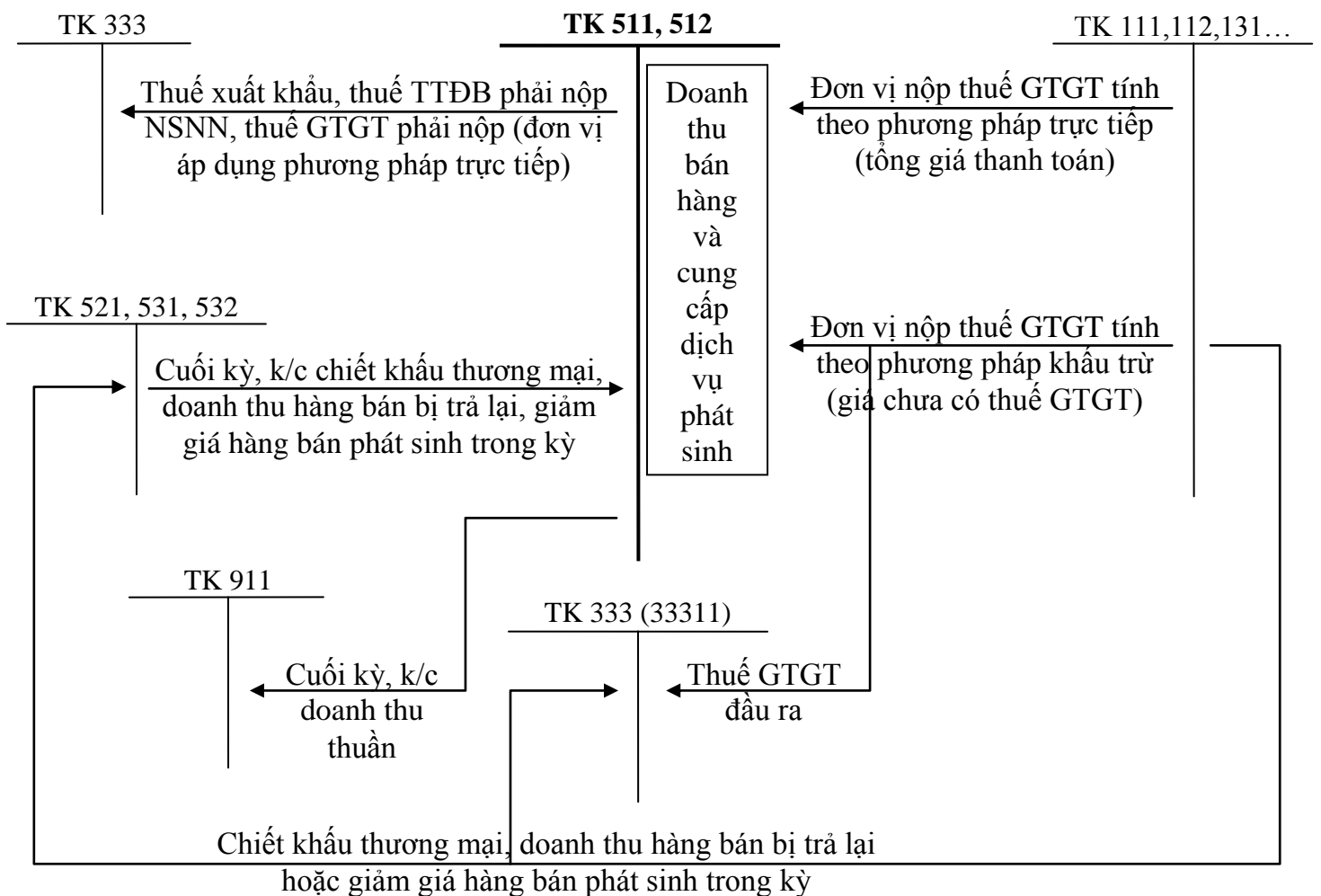
TK 131- Phải thu khách hàng.

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi ngân hàng.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

### Sơ đồ hạch toán Tài khoản Doanh thu bán hàng





### 1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ:

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 521- Chiết khấu thương mại.

TK 531- Hàng bán bị trả lại.

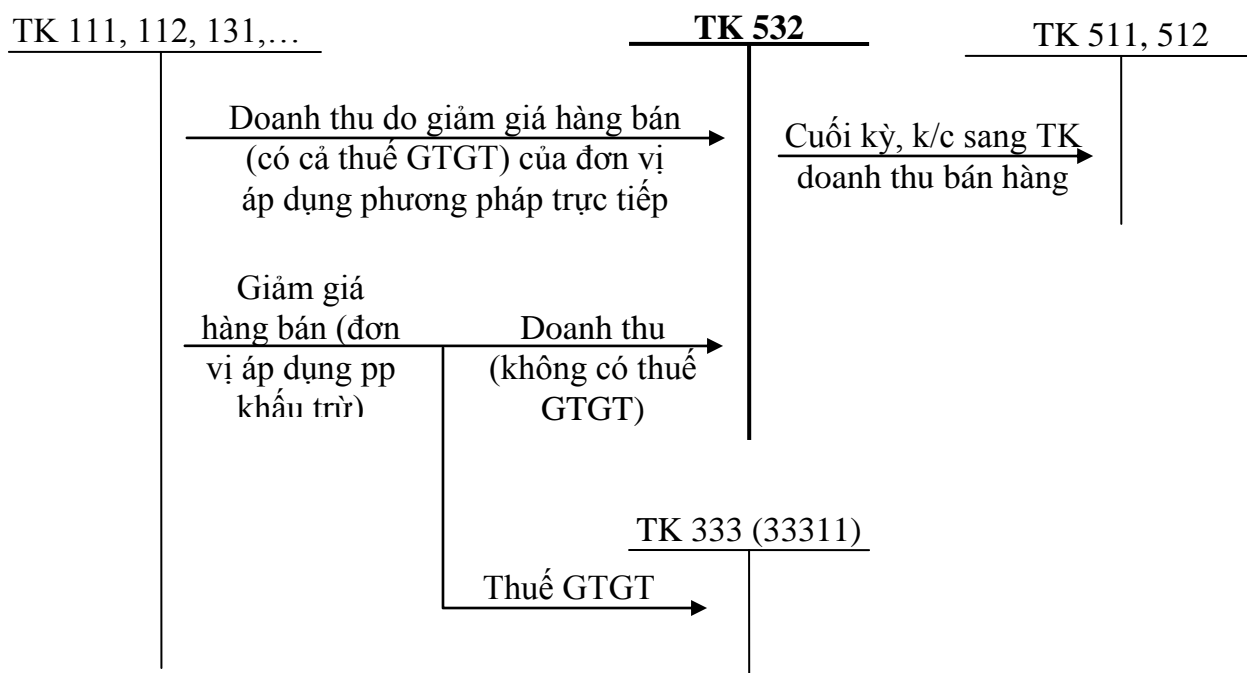
TK 532- Giảm giá hàng bán.

TK 111- Tiền mặt.

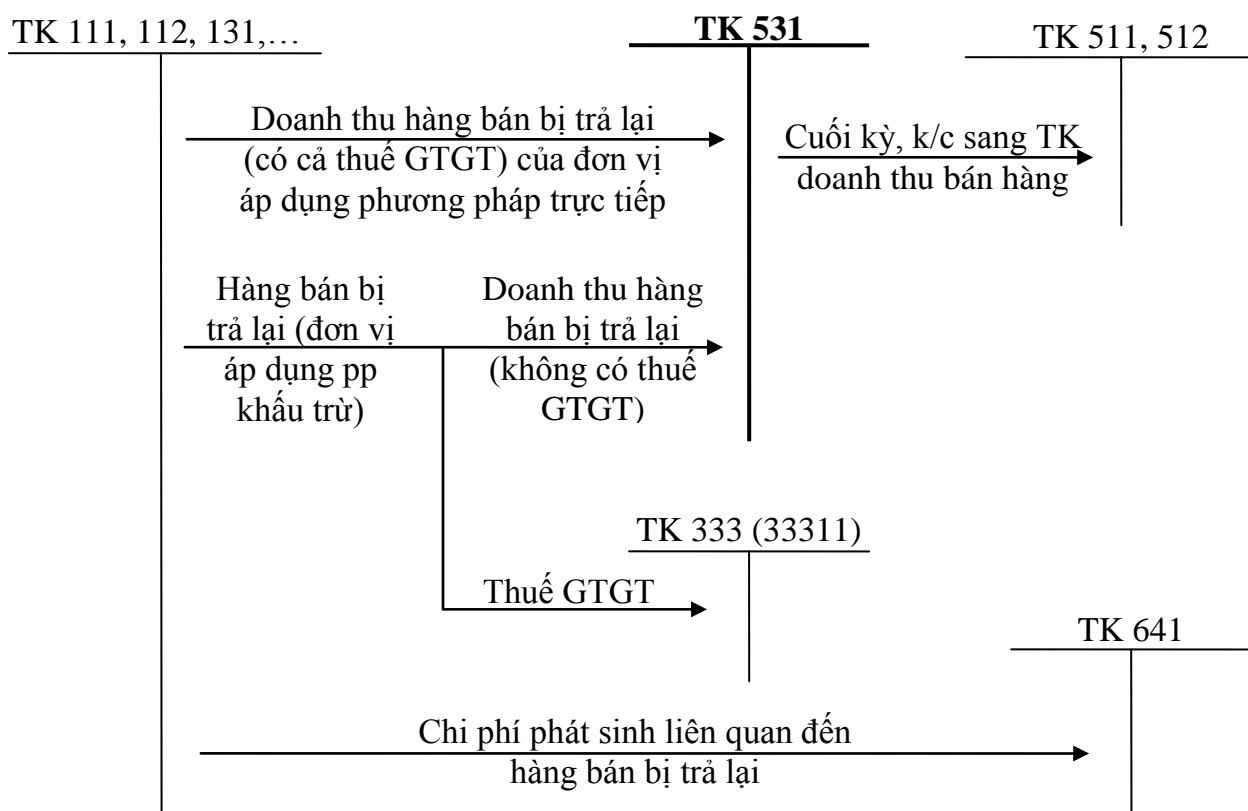
TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

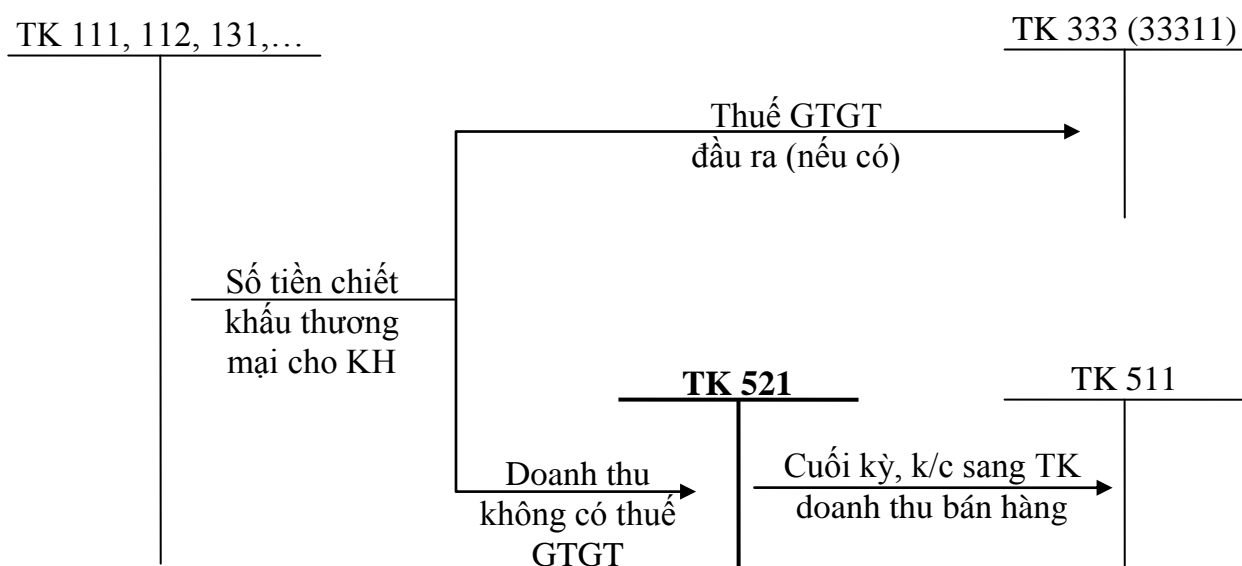
#### Sơ đồ hạch toán Tài khoản Giảm giá hàng bán



## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Hàng bán bị trả lại



## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chiết khấu thương mại



### 1.3.1.3 Kế toán thuế xuất khẩu, thuế TTĐB:

- ✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:
  - Hóa đơn bán hàng.

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ khác có liên quan.

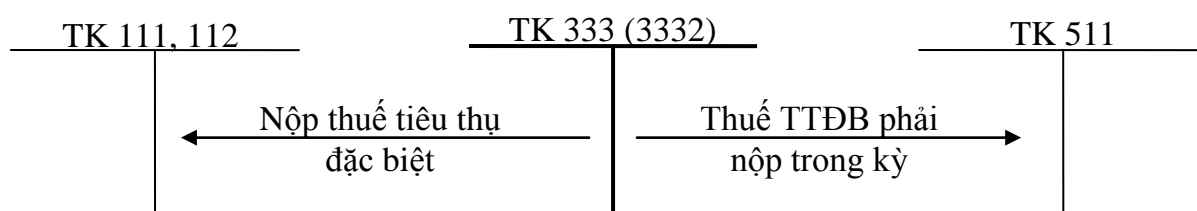
✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Trong đó:

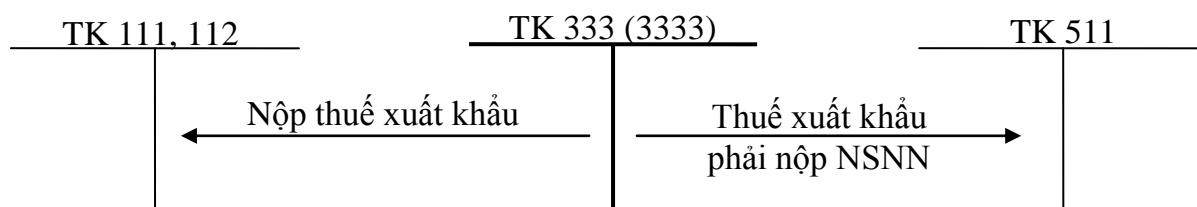
- TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- TK 3333- Thuế xuất nhập khẩu.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Thuế tiêu thụ đặc biệt**



**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Thuế xuất khẩu**



**1.3.2 Kế toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**1.3.2.1 Giá vốn hàng bán:**

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 632- Giá vốn hàng bán.

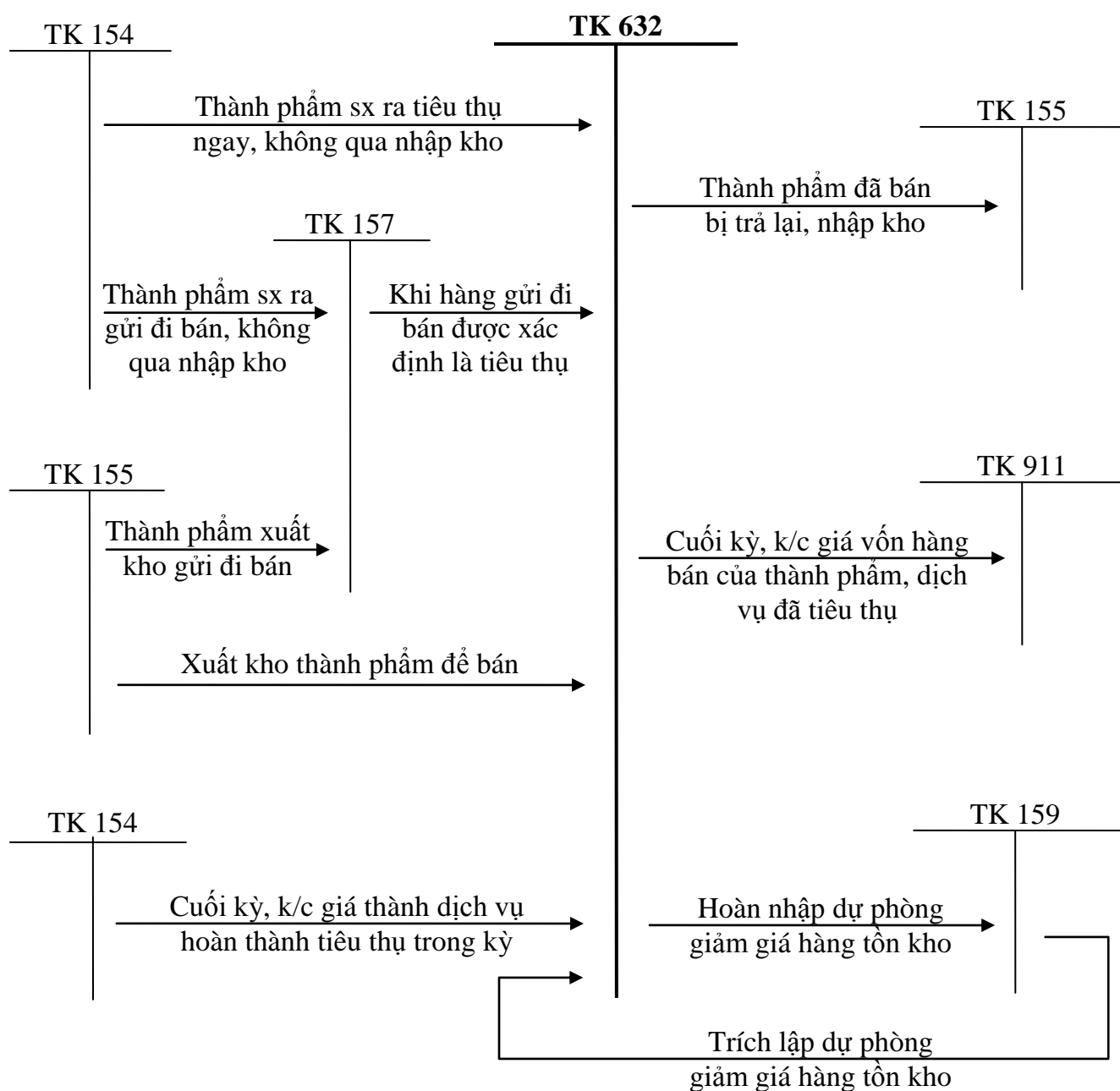
TK 155- Thành phẩm.

TK 157- Hàng gửi đi bán.

TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Giá vốn hàng bán**  
(theo phương pháp kê khai thường xuyên)



---

### 1.3.2.2 Chi phí bán hàng:

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 641- Chi phí bán hàng. Trong đó:

- TK 6411- Chi phí nhân viên.
- TK 6412- Chi phí vật liệu.
- TK 6413- Chi phí dụng cụ đồ dùng.
- TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415- Chi phí bảo hành.
- TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418- Chi phí bằng tiền khác.

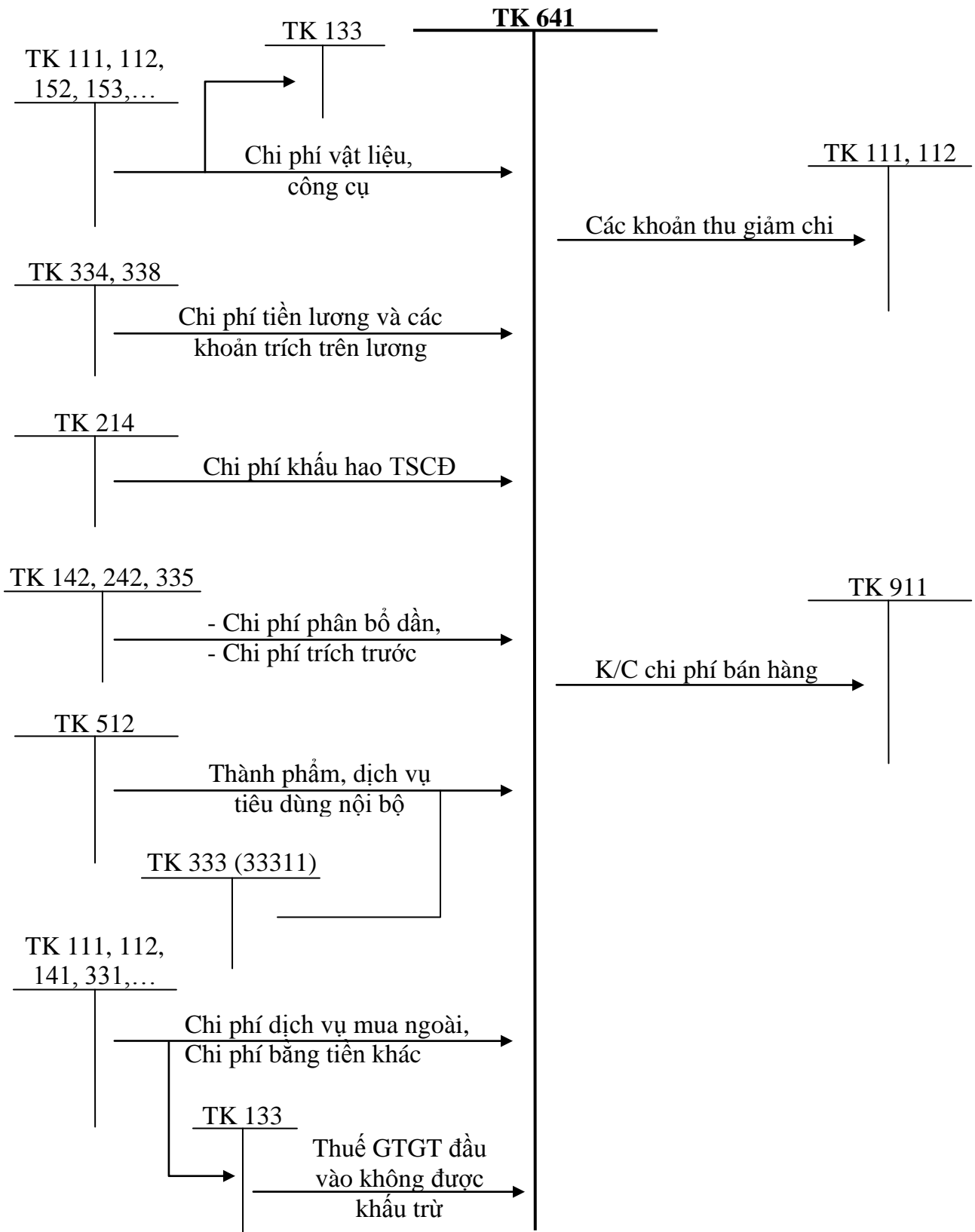
TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí bán hàng**



---

---

### 1.3.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp:

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó:

- TK 6421- Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425- Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428- Chi phí bằng tiền khác.

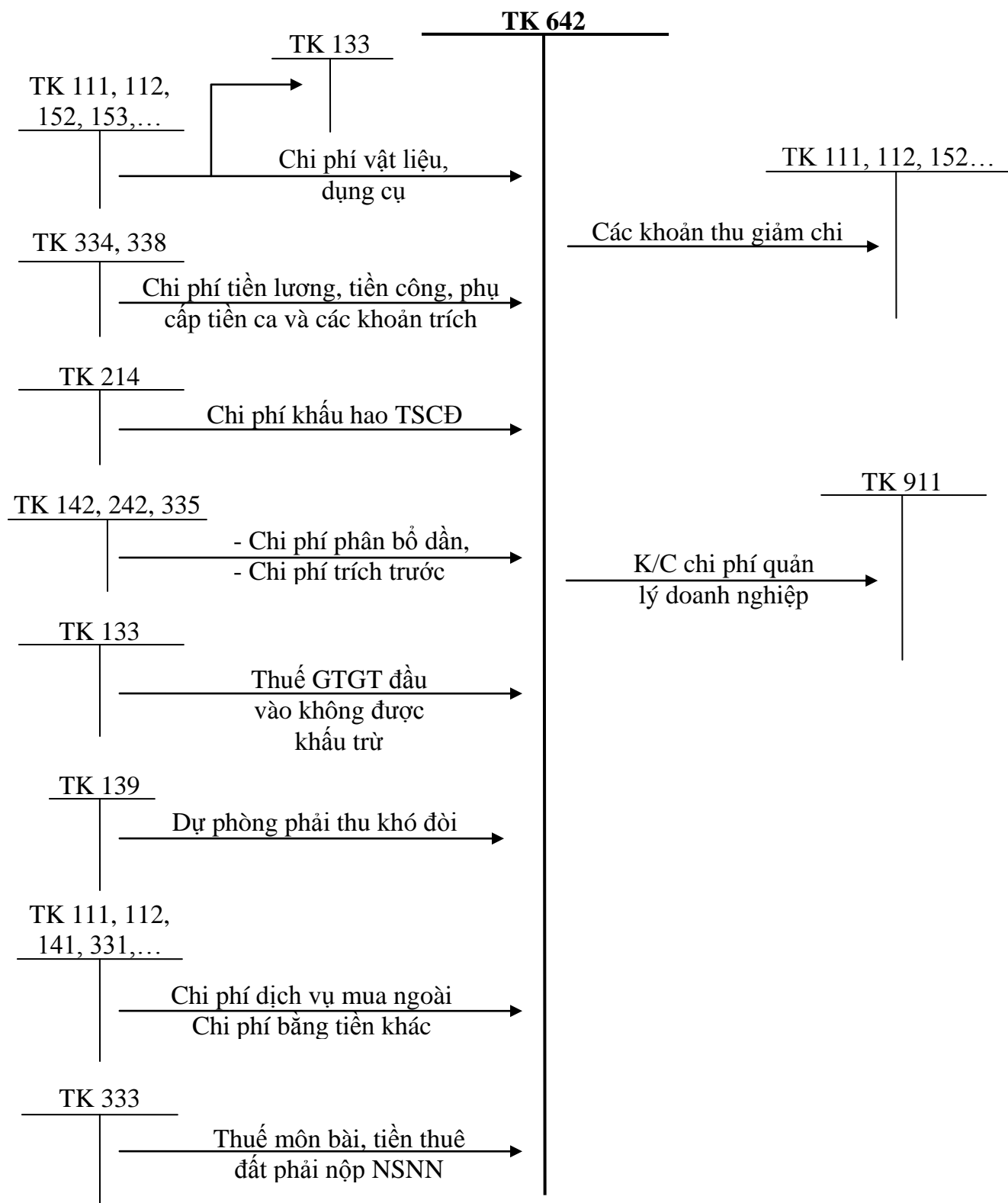
TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp



### 1.3.3 Kế toán các khoản doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính:

#### 1.3.3.1 Doanh thu hoạt động tài chính:

- ✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:



- Phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

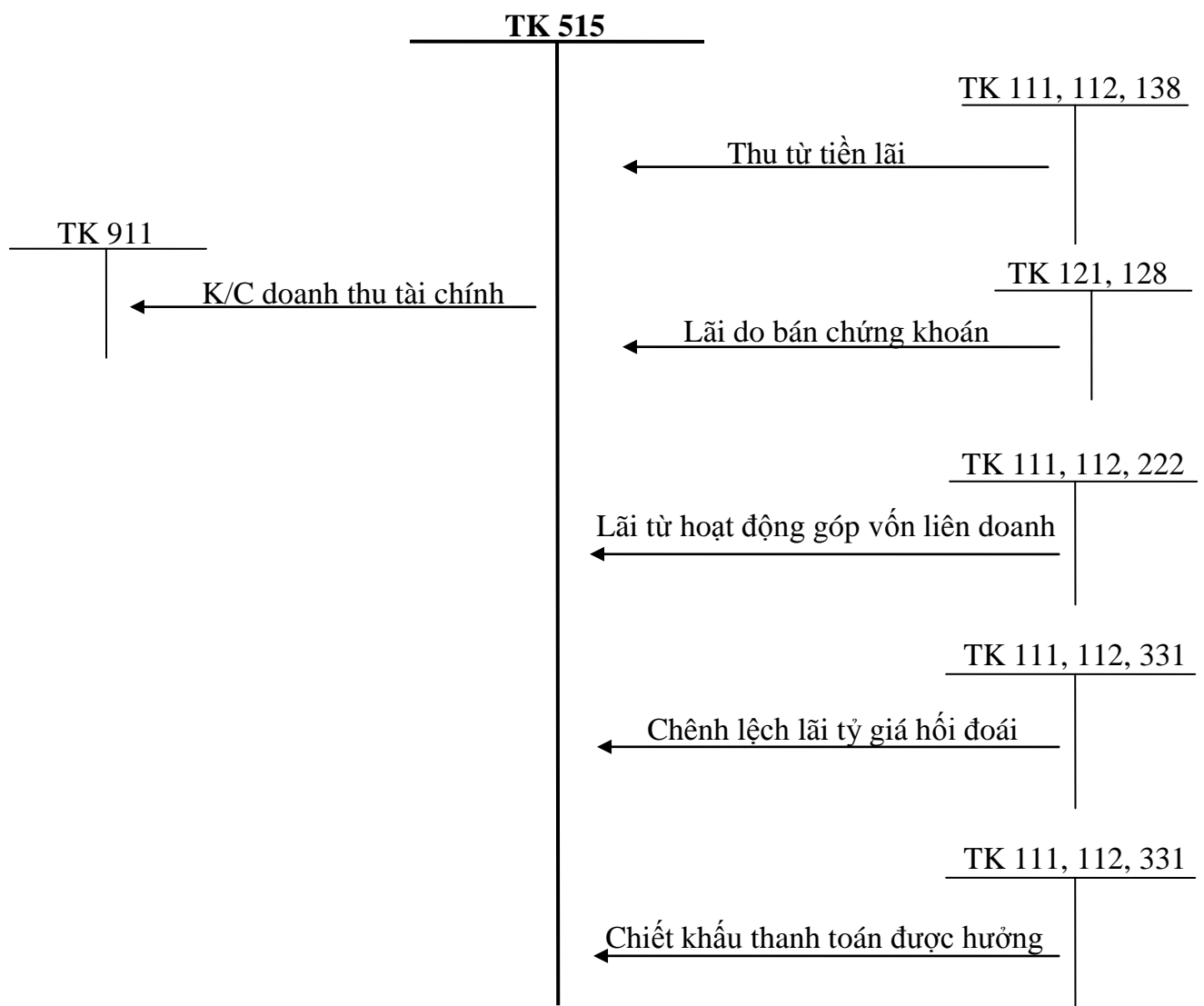
TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Doanh thu tài chính**



**1.3.3.2 Chi phí tài chính:**

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Ủy nhiệm chi, phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

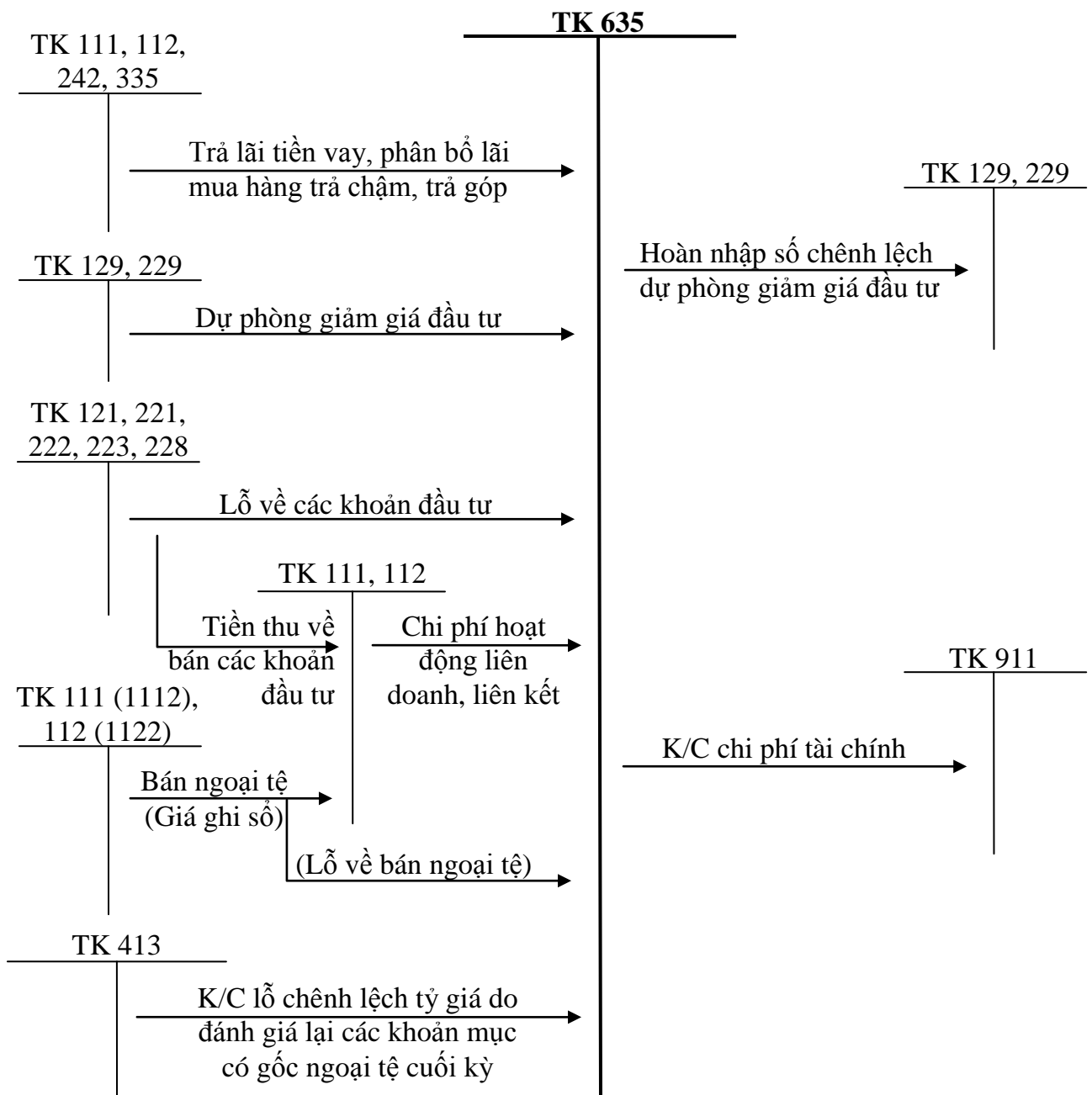
TK 635- Chi phí tài chính.

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

**Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí tài chính**



---

---

### **1.3.4 Kế toán các khoản thu nhập và chi phí từ hoạt động khác:**

#### **1.3.4.1 Thu nhập khác:**

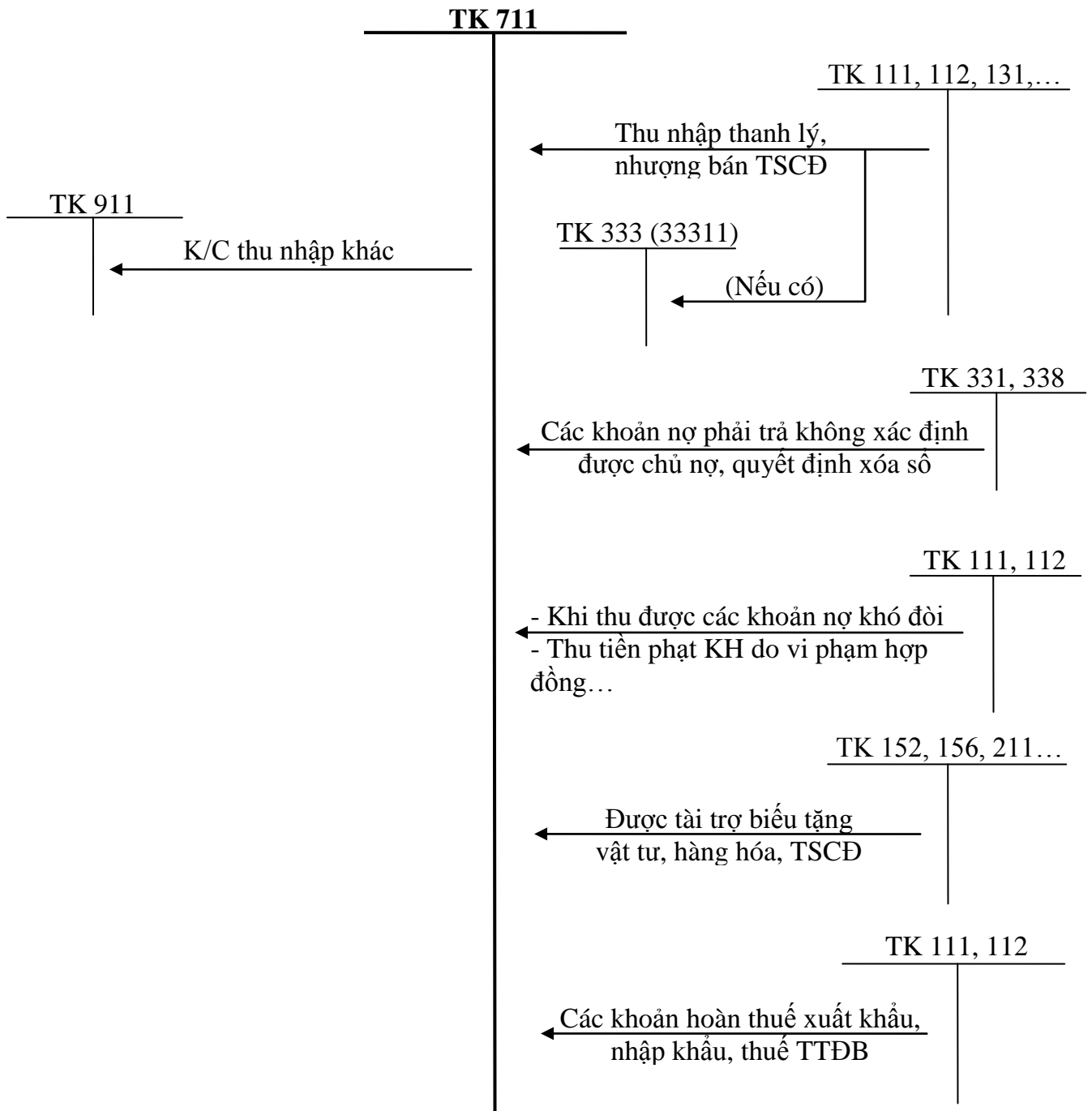
- ✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:
  - Phiếu thu, giấy báo có.
  - Các chứng từ khác có liên quan.
  
- ✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:
  - TK 711- Thu nhập khác.
  - TK 111- Tiền mặt.
  - TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

#### **1.3.4.2 Chi phí khác:**

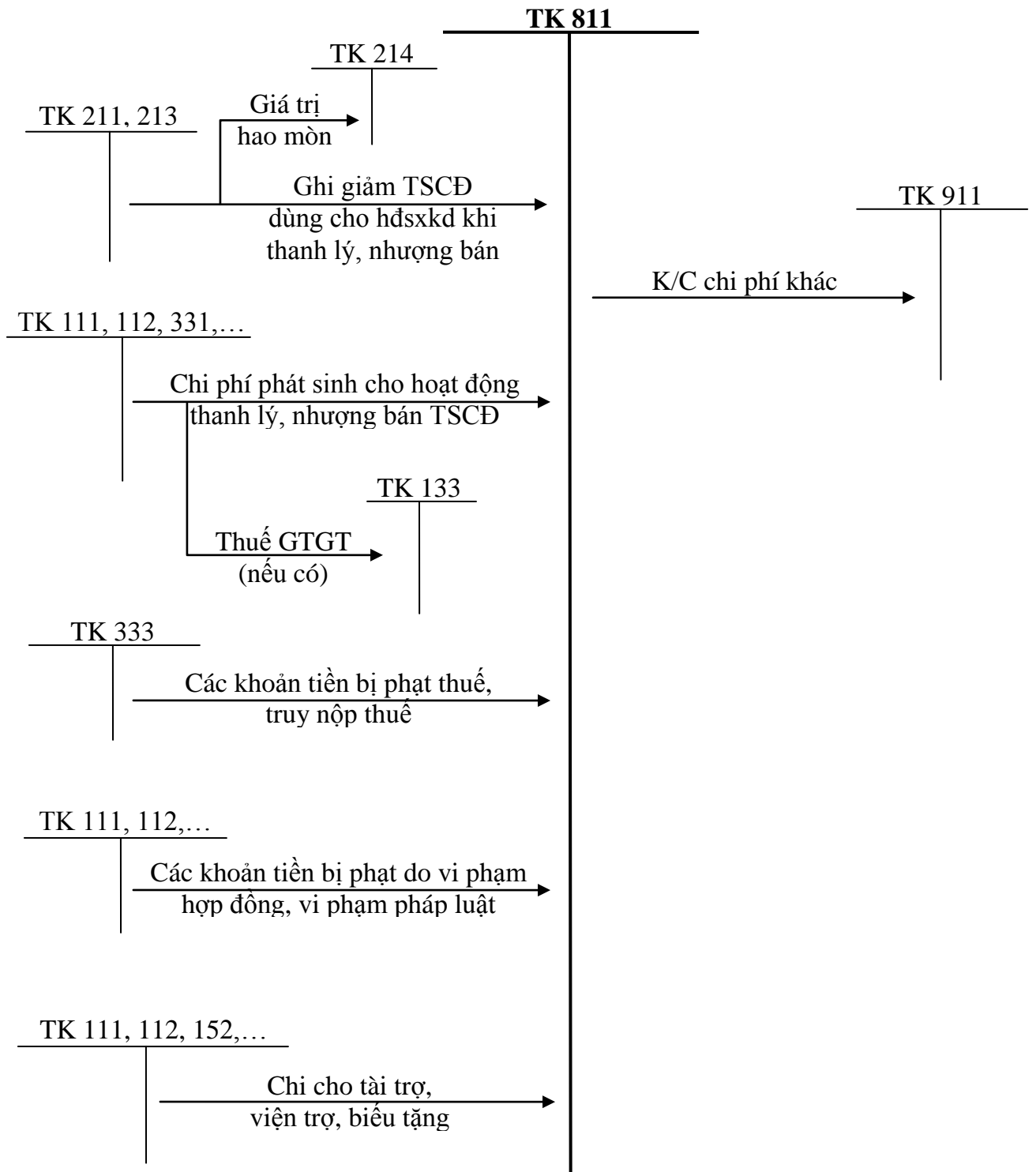
- ✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:
  - Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
  - Các chứng từ khác có liên quan.
  
- ✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:
  - TK 811- Chi phí khác.
  - TK 111- Tiền mặt.
  - TK 112- Tiền gửi Ngân hàng

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

### Sơ đồ hạch toán Tài khoản Thu nhập khác



## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí khác



### 1.3.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

#### 1.3.5.1 Kế toán Chi phí thuế TNDN:

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu kế toán.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

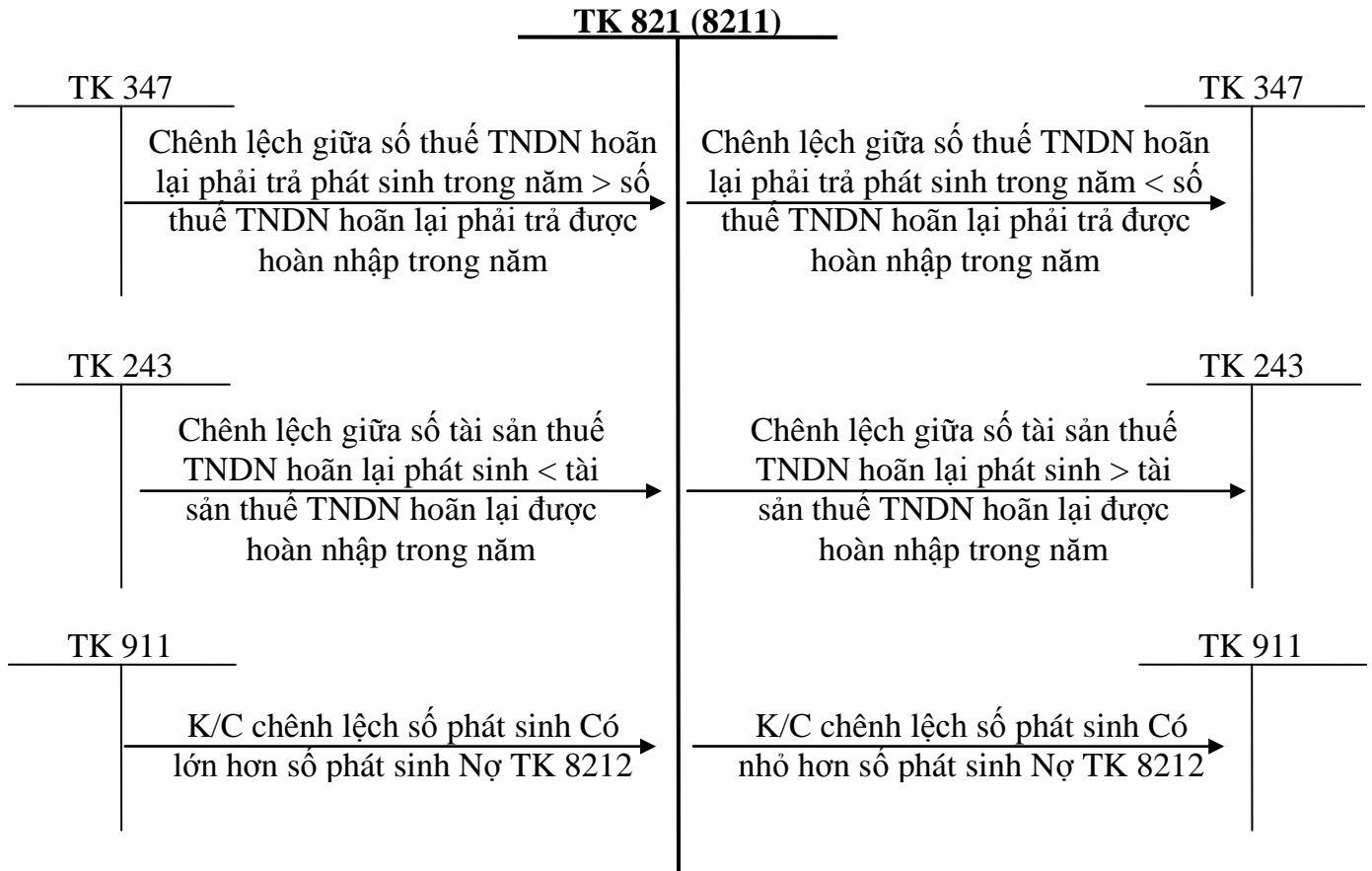
TK 821- Chi phí thuế TNDN. Trong đó:

- TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành.

- TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

✦ Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

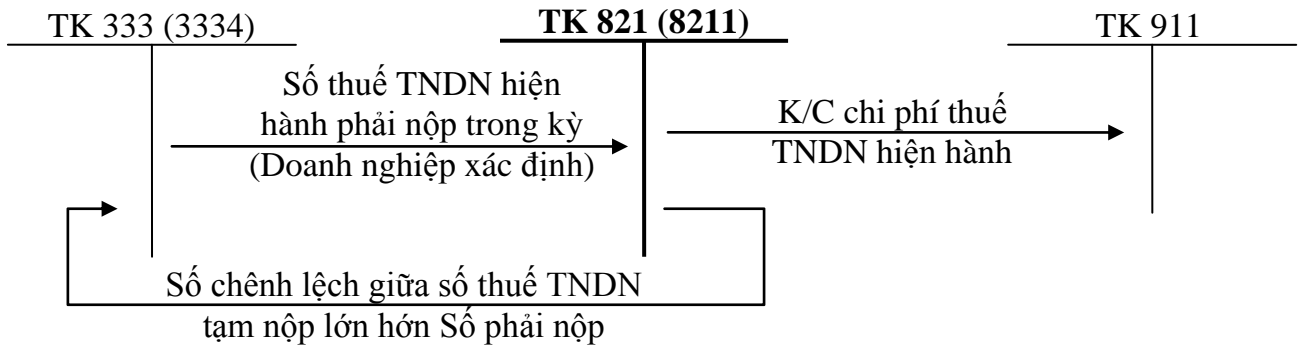
#### Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí Thuế TNDN hoãn lại



---

---

## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Chi phí thuế TNDN hiện hành



### 1.3.5.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

✦ Các chứng từ kế toán sử dụng:

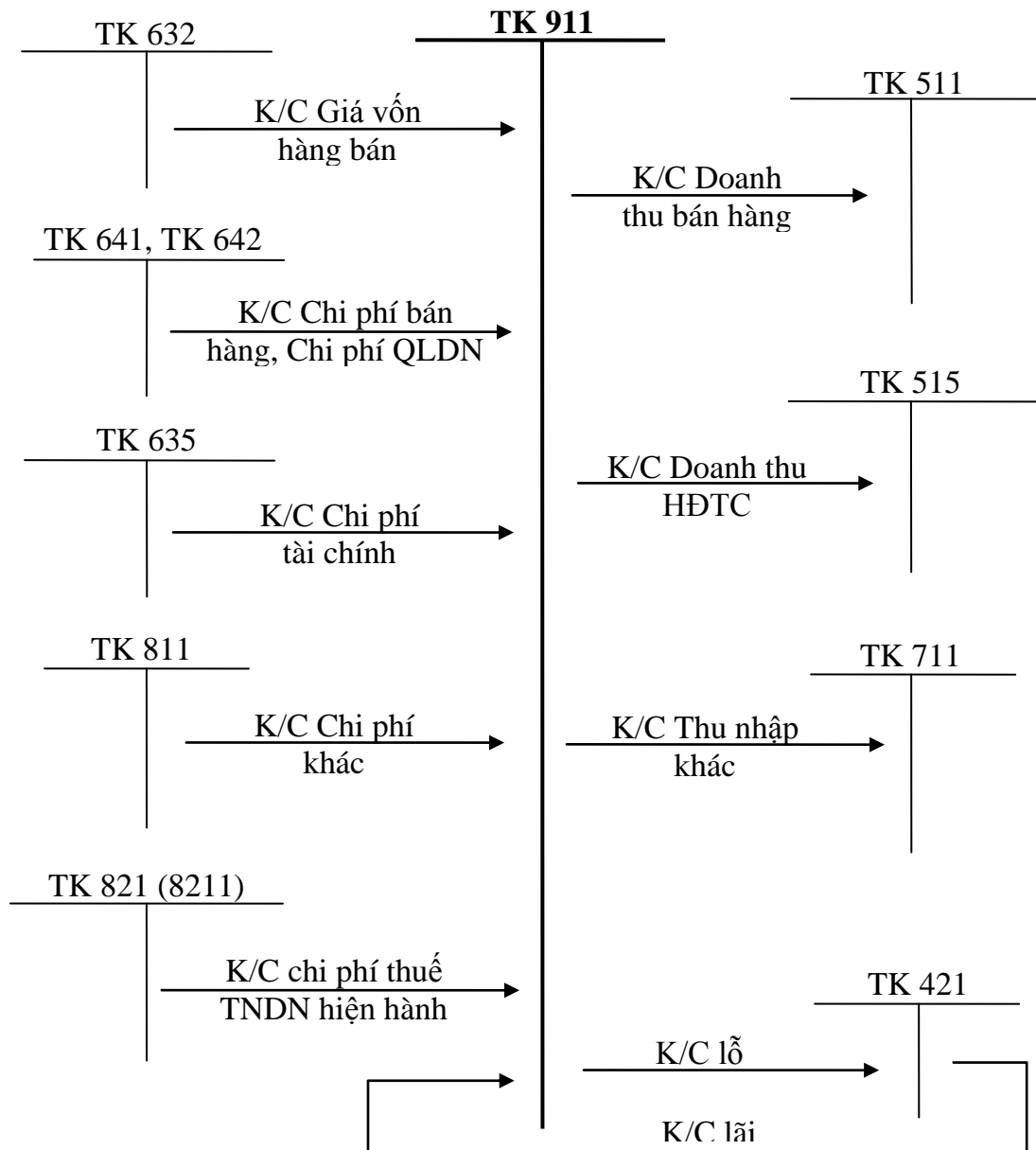
- Các phiếu kế toán thực hiện bút toán kết chuyển.

✦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

## Sơ đồ hạch toán Tài khoản Xác định kết quả kinh doanh



### 1.4 Hệ thống sổ và quy trình luân chuyển chứng từ:

Các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi thành phần kinh tế đều căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp.



---

Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

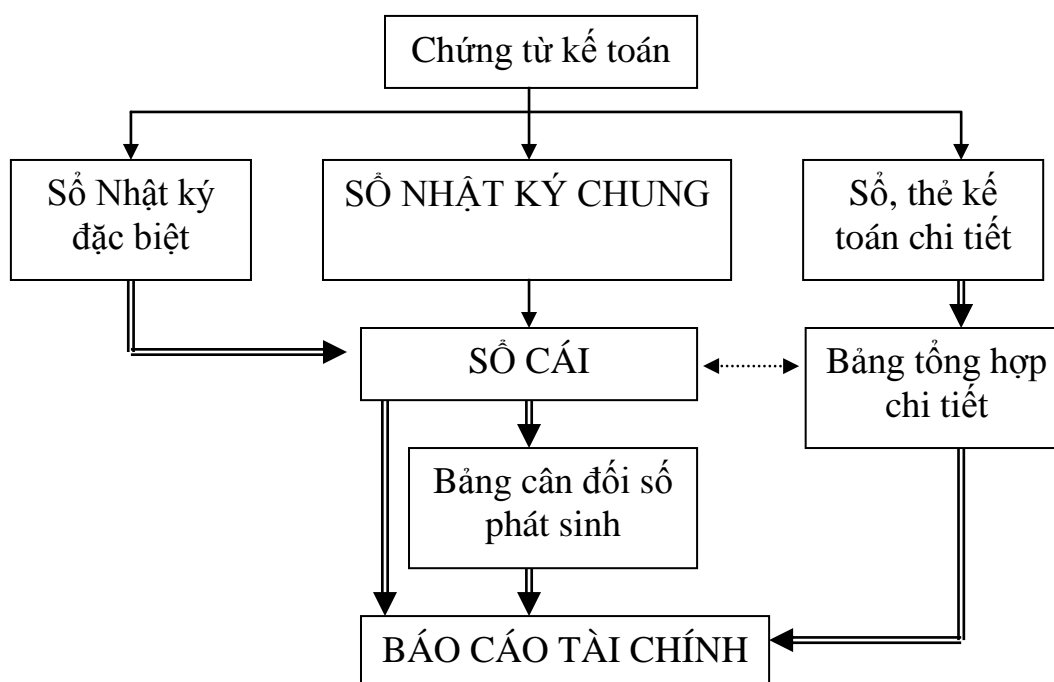
### 1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung:

#### Hệ thống sổ

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm chủ yếu các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái các TK;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng tổng hợp chi tiết.

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



---

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu :  $\longleftrightarrow$

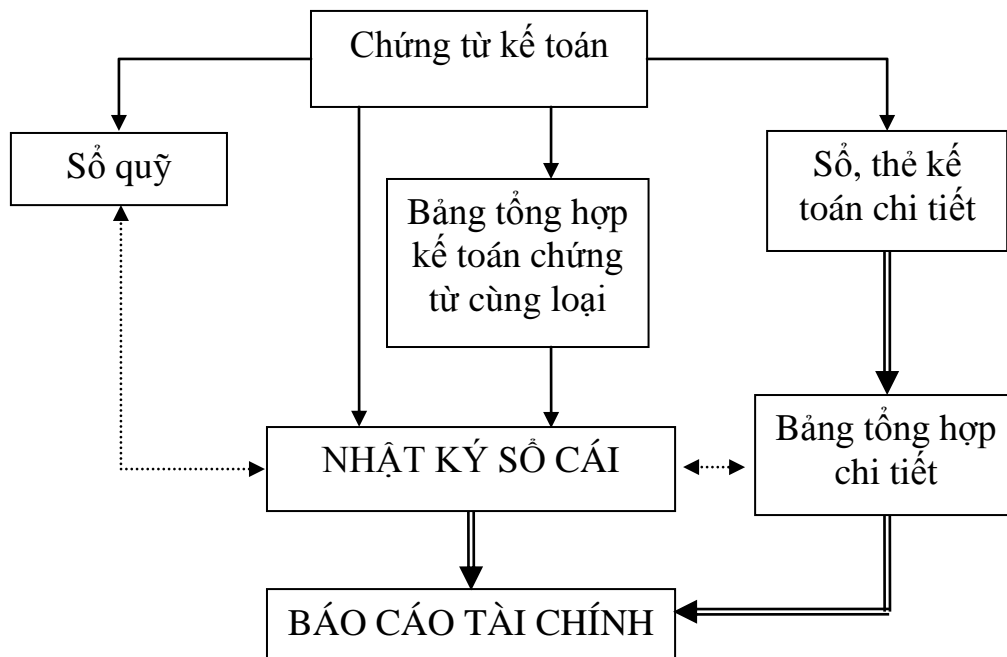
### 1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái:

#### Hệ thống sổ

Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng tổng hợp chi tiết.

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu :  $\longleftrightarrow$

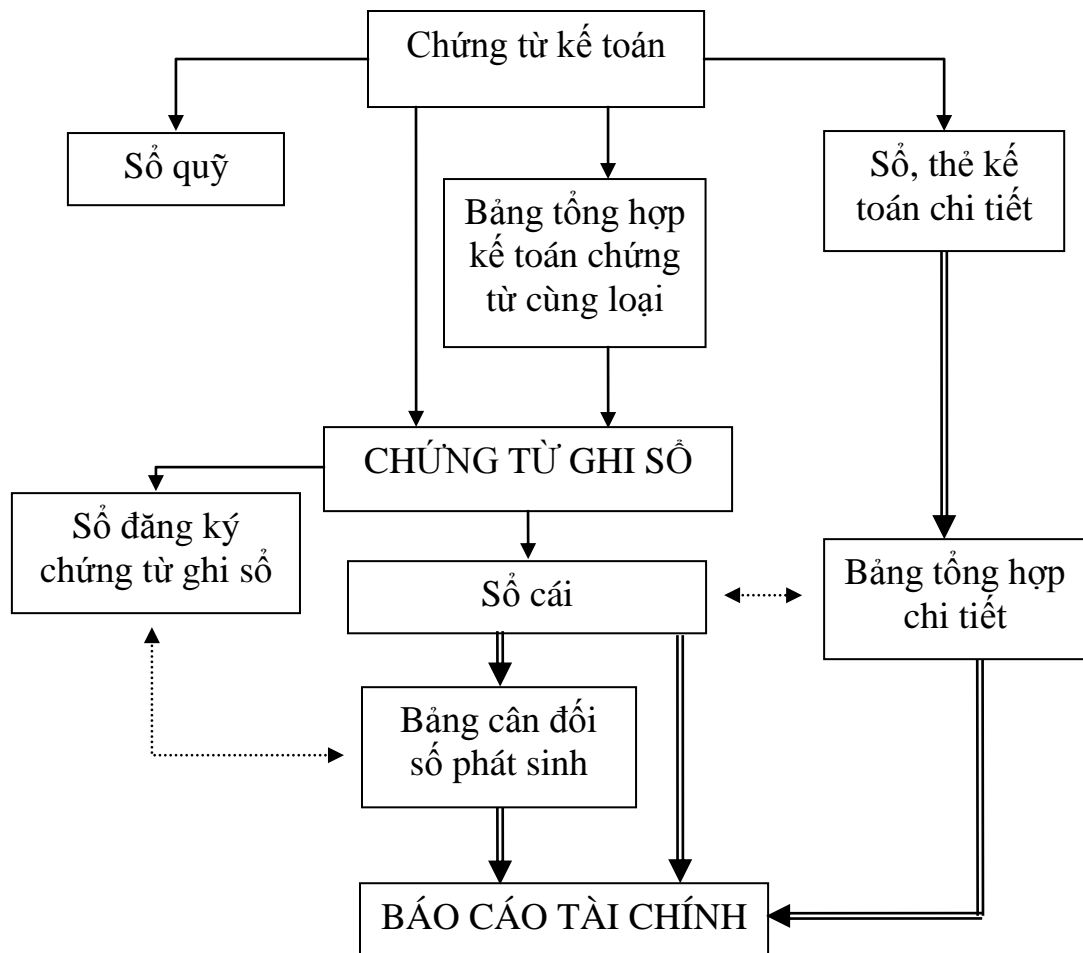
### 1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

#### Hệ thống sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái các TK;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng tổng hợp chi tiết.

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ : ⇒

Quan hệ đối chiếu : ↔

---

---

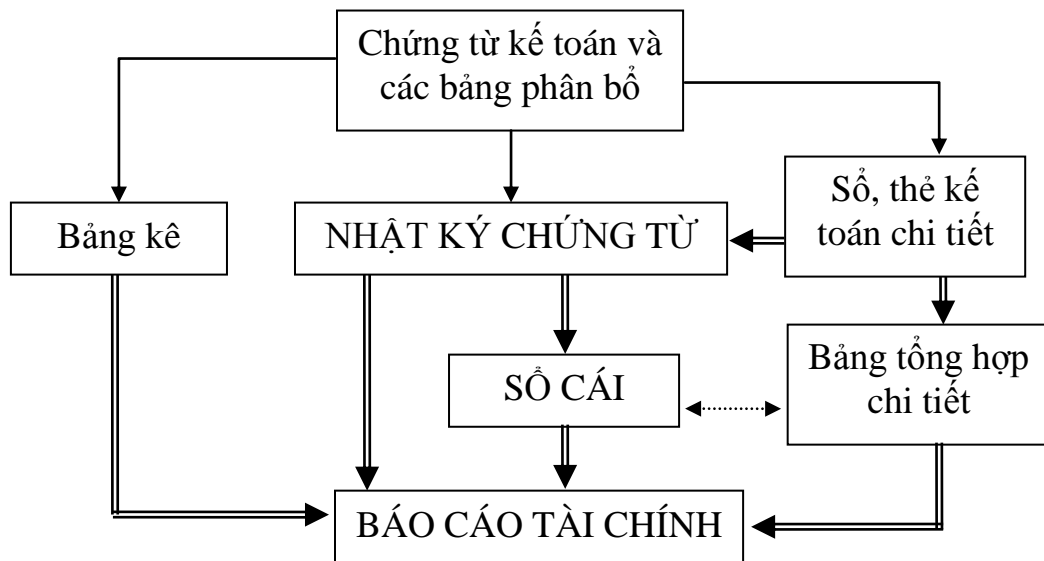
#### 1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ:

##### Hệ thống sổ

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái các TK;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng tổng hợp chi tiết.

##### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ : ⇒

Quan hệ đối chiếu : ⇔

---

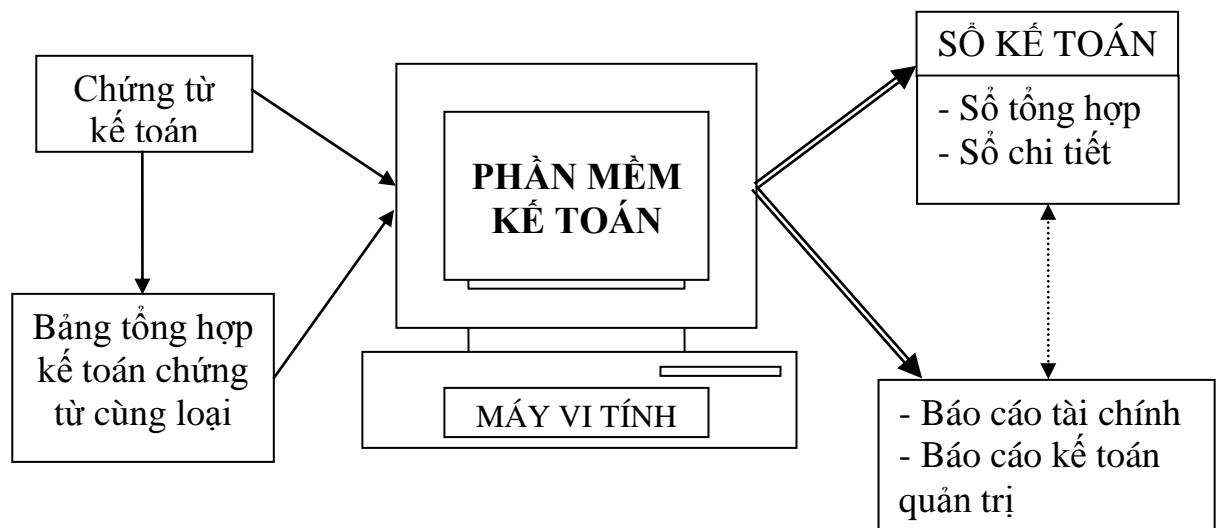
---

### 1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính:

#### Hệ thống sổ

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày : →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm : ⇒

Đối chiếu, kiểm tra : ⇔

---

---

## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM**

### **2.1 Tổng quan về công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**


#### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

##### **Tên, quy mô và địa chỉ của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam**

- Tên công ty : Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.
- Tên giao dịch quốc tế : Nakashima VietNam Company Limited  
( viết tắt: Nakashima VietNam Co., Ltd)
- Ngành nghề sản xuất : Chế tạo, sản xuất các loại chân vịt.
- Trụ sở chính : Lô CN 2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ,  
phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : +84-313-614325.
- Fax : +84-313-614329.
- Email : [sales@nakashimavn.com](mailto:sales@nakashimavn.com)
- Website : [www.nakashima.co.jp](http://www.nakashima.co.jp)
- Giấy CNĐKKD số : 02212000014 do Sở kế hoạch và Đầu tư  
thành phố Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 04 năm 2008 cho loại hình doanh  
nghiệp chế xuất.
- Vốn pháp định : 4,000,000 USD.
- Vốn lưu động : 18,000,000 USD.

##### **Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam**

- Năm 1926: Nakashima Foundry được thành lập bởi Zenichi Nakashima tại Shimoishii ở Okayama và bắt đầu sản xuất chân vịt.

- 
- Năm 1948: Công ty được tổ chức lại theo tên là Nakashima Foundry Co., Ltd, không giới hạn đối tác.
  - Năm 1967:
    - Một nhà máy mới được xây dựng tại Kitagata Joto ở Okayama và tất cả các bộ phận được chuyển về đây.
    - Đổi tên công ty thành Công ty TNHH Nakashima Propeller.
    - Giấy chứng nhận thành lập công ty được Bộ Giao thông xác nhận theo Luật An Toàn Hàng Hải.
  - Năm 1981: Nakashima Engineering Ltd được thành lập như là một công ty sản xuất thiết bị và bước đầu tham gia vào việc lập kế hoạch và quảng cáo cho sản phẩm “Ambience Creation”.
  - Năm 1985: Tập trung thống nhất đoàn thể và thành lập thương hiệu “ N “ mới. 
  - Năm 1993: Thông qua vốn đầu tư với Công ty TNHH Uchida Yoko, tổng công ty Nakashima Uchida được thành lập để kinh doanh sản phẩm văn phòng.
  - Năm 1995: Sản phẩm của Nakashima được phê duyệt theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO-9001.
  - Năm 2005:
    - Khánh thành nhà máy Tamashima chuyên sản xuất các loại chân vịt cỡ lớn.
    - Tháng 12/ 2005, Công ty TNHH Nakashima Việt Nam được thành lập tại Khu Công Nghiệp Nomura, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
  - Năm 2007: Khánh thành nhà máy của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam tại Khu Công Nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng, Việt Nam và bắt đầu đi vào hoạt động.
  - Năm 2008:
    - Tái cơ cấu lại các nhóm công ty trở thành nòng cốt của tổng Công ty Nakashima Holdings.

---

---

Tách phòng ban thành công ty riêng mang tên Công ty TNHH Nakashima Medical.

- Năm 2009: Chuyển trụ sở chính từ Khu Công Nghiệp Nomura về tại lô CN 2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

## **2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

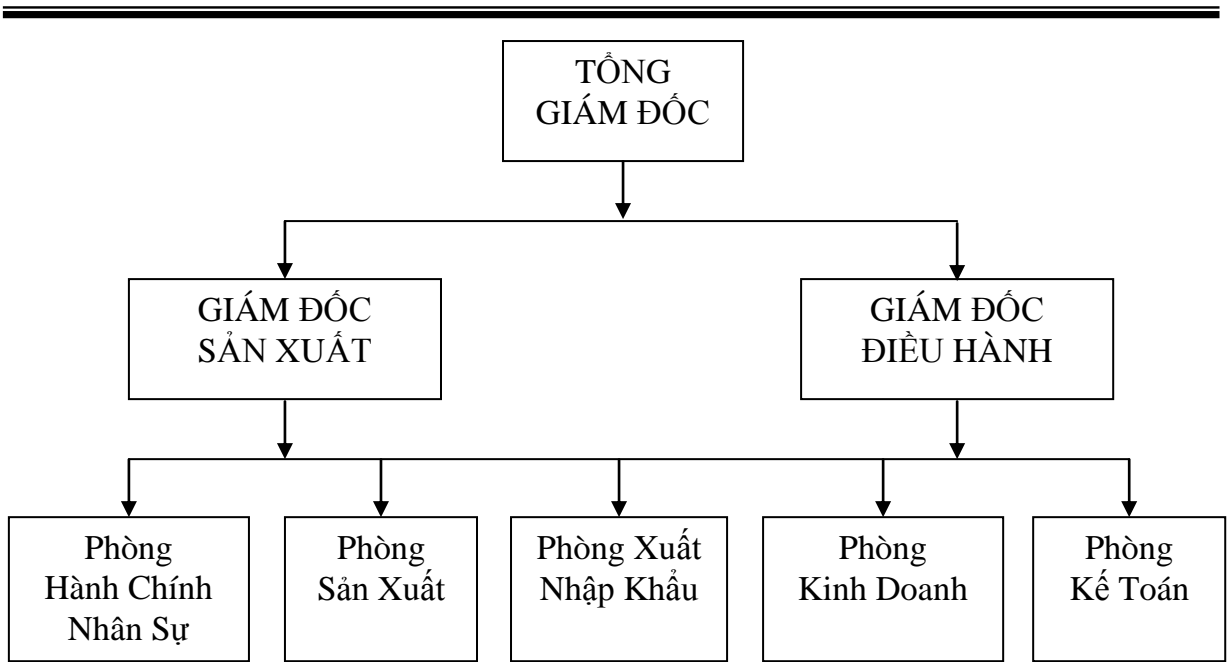
### **Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý**

- Ban Tổng Giám Đốc: Tổng Giám Đốc điều hành quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám Đốc: là người giúp việc cho Tổng Giám Đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám Đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Các phòng ban nghiệp vụ: có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám Đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám Đốc. Công ty hiện có 5 phòng nghiệp vụ như sau:

- + Phòng Hành chính nhân sự:
- + Phòng Sản xuất:
- + Phòng Xuất Nhập khẩu:
- + Phòng Kinh doanh:
- + Phòng Kế toán:

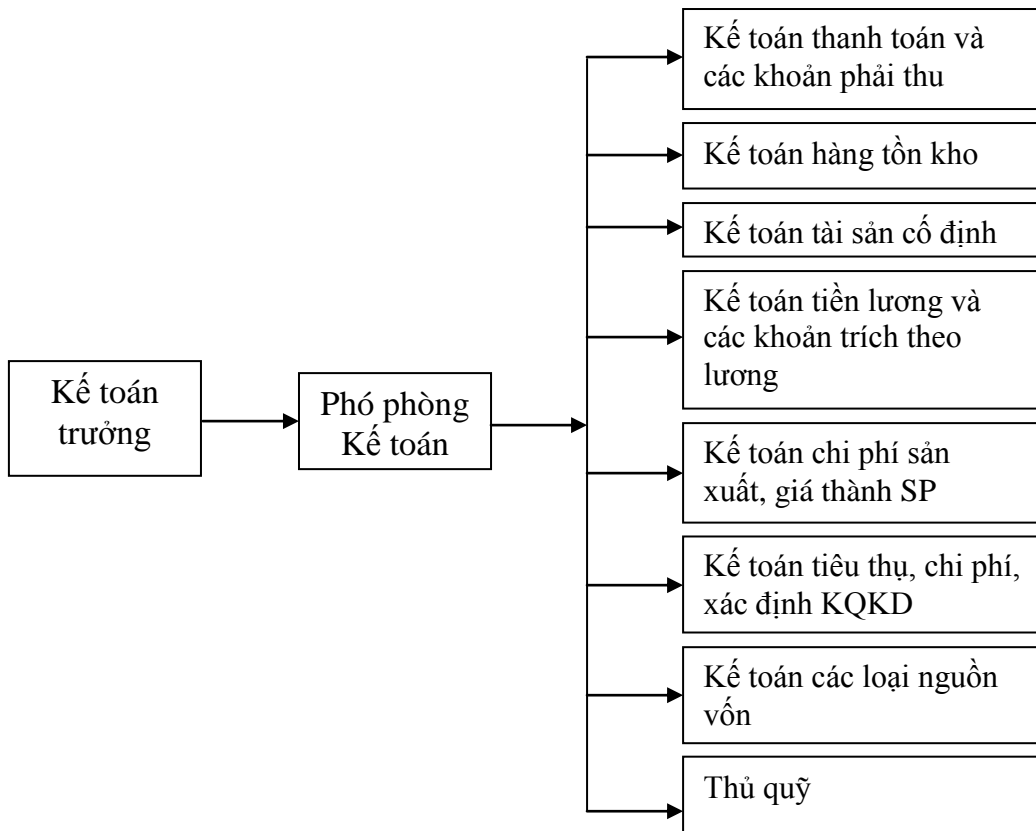




*Hình 1.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý*

### Đặc điểm về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán của công ty được thực hiện tại phòng kế toán.



*Hình 1.2: Sơ đồ bộ máy kế toán*

- 
- 
- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12.
  - Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng dollar Mỹ (USD).
  - Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC.
  - Hình thức sổ kế toán áp dụng: Sổ Nhật ký chung (kế toán thủ công, một số phần hành được thực hiện trên Excel).
  - Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng.
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: đơn giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
  - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: trong năm nghiệp vụ phát sinh được quy đổi sang USD theo tỷ giá của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
  - Nguyên tắc tính thuế:
    - + Thuế GTGT: Công ty là doanh nghiệp chế xuất nên được miễn thuế GTGT đầu vào và ra.
    - + Thuế xuất, nhập khẩu: là doanh nghiệp thuộc Khu chế xuất nên được miễn thuế xuất, nhập khẩu.
    - + Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định 25%.
    - + Thuế thu nhập cá nhân: theo quy định.
    - + Thuế môn bài: theo quy định 3,000,000 VND / năm.

### **Hình thức sổ kế toán**

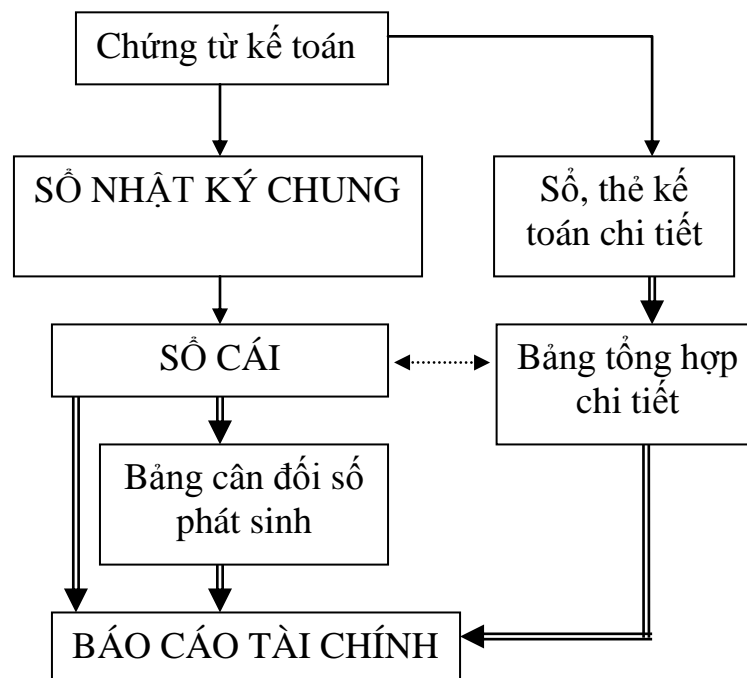
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hàng ngày được căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó từ Nhật ký chung chuyển từng số liệu để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm công số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) dùng để lập các báo cáo tài chính. Về Nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ kế toán.

Hệ thống sổ sách kế toán chủ yếu mà Công ty đang sử dụng, bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết các tài khoản.
- Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản.

### TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



---

---

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

### **Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam được đầu tư bởi Công ty TNHH Nakashima Holdings tại Joto-Kitagata, Okayama, Japan, nhiệm vụ hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại chân vịt (chân vịt dùng cho các loại du thuyền, chân vịt dùng cho động cơ ngoài thuyền, chân vịt định bước, chân vịt biến bước...) để xuất khẩu sang Nhật Bản.

Hoạt động chủ yếu của công ty bao gồm:

- Nhập các máy móc thiết bị, công nghệ từ nước ngoài, phục vụ cho quá trình sản xuất chân vịt.
- Sản xuất theo số lượng đơn đặt hàng của chủ đầu tư (công ty TNHH Nakashima Holdings tại Nhật Bản).
- Kết thúc quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành, tổ chức xuất khẩu sang Nhật, công ty không có nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm, khách hàng muốn mua sản phẩm phải đặt mua hàng tại Công ty TNHH Nakashima Holdings.

### **Phương thức bán hàng ở công ty TNHH Nakashima Việt Nam**

Bán hàng theo đơn đặt hàng của khách hàng ( công ty TNHH Nakashima Holdings), công ty xuất khẩu hàng sang Nhật theo thời gian ghi trên đơn đặt hàng. Công ty TNHH Nakashima Holdings gửi đơn đặt hàng đến công ty. Công ty sẽ ký Hợp đồng bán hàng với khách hàng. Sau đó, lập các chứng từ cần thiết cho việc xuất khẩu hàng hóa như: Commercial invoice, Packing list, hóa đơn xuất khẩu, Tờ khai hàng hóa xuất khẩu...

---

---

## Hình thức thanh toán

Do đặc thù của phương thức bán hàng mà hình thức thanh toán chủ yếu là thanh toán qua ngân hàng hay hình thức thanh toán chậm, không sử dụng hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

Hình thức thanh toán phụ thuộc vào các điều khoản mà công ty ký kết với khách hàng nêu trong Hợp đồng. Hầu hết, công ty sử dụng hình thức “FOB điểm xếp hàng”, cụ thể là “FOB HaiPhong”. Theo điều khoản này, công ty có trách nhiệm chi trả phí vận chuyển hàng hóa từ xưởng của công ty đến cảng giao hàng (cảng Hải Phòng) và phí xếp hàng lên tàu. Các chi phí khác từ khi hàng được chuyển lên tàu cho đến khi hàng cập cảng tại Nhật như: phí bảo hiểm, cước vận chuyển, chi phí bốc dỡ hàng hóa... thuộc về trách nhiệm của người mua hàng.

Quyền đối với hàng hóa được chuyển sang bên mua tại điểm xếp hàng.

### 2.1.3 Một số kết quả kinh doanh đạt được và định hướng của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam:

#### Kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần đây (2008, 2009, 2010)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009	2010
1	Doanh thu	USD	680,255.41	1,048,953.84	1,678,326.15
2	Lợi nhuận trước thuế	USD	(47,699.77)	(42,402.01)	(34,467.10)
3	Thu nhập bình quân	USD/ng/năm	1,097.13	1,316.55	1,658.91

Qua bảng số liệu trên ta thấy, tất cả các chỉ tiêu trong 3 năm gần đây đều tăng rõ rệt. Cụ thể:

- Doanh thu của Công ty tăng đều hàng năm, cụ thể: năm 2008 đến năm 2009 tăng 54.2% (368,698.43 USD), năm 2009 đến năm 2010 tăng 60% (629,372.31

---

---

USD). Năm 2010, doanh thu của Công ty so với năm 2008 tăng 998,070.74 USD tương đương với mức tăng 146.72%. Chứng tỏ, doanh nghiệp đã có chiến lược tiêu thụ sản phẩm phù hợp và đạt hiệu quả cao.

- Lợi nhuận trước thuế: nhìn vào số liệu trên thấy được Công ty kinh doanh chưa hiệu quả, từ năm 2008 đến năm 2010, kết quả kinh doanh đều không có lãi, không đem lại lợi nhuận cho Công ty. Nhưng dựa vào lợi nhuận trước thuế qua các năm (2008-2010) ta thấy được việc kinh doanh tại công ty ngày một hiệu quả hơn. Lợi nhuận năm 2008-2009 tăng lên 5,297.76 USD (11.11%), năm 2009-2010 tăng lên 7,934.91 USD ( 18.71 %). Tuy nhiên, doanh nghiệp cần đưa ra những chính sách giảm thiểu chi phí phù hợp để mang lại lợi nhuận trong kinh doanh.

- Thu nhập bình quân: Mặc dù gặp nhiều khó khăn, kinh doanh không có lãi, nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo và nâng cao thu nhập bình quân của mỗi cán bộ CNV.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2008 là 1,097.13 USD/người/năm đến năm 2010 con số này đạt được là 1,658.91 USD/người/năm. Đây là ưu điểm của doanh nghiệp, nhằm giúp khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ CNV tại Công ty.

## **Định hướng của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam**

Trong những năm tới, Công ty hướng tới mục tiêu cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, thúc đẩy doanh số bán hàng, giảm thiểu tối đa chi phí phát sinh mà vẫn đảm bảo về mặt chất lượng và mặt số lượng của sản phẩm. Các nhà quản trị Công ty đi sâu tìm hiểu nguyên do và đưa ra những biện pháp, chiến lược kinh doanh cho thời gian tới.

## **2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu:**

#### **2.2.1.1 Doanh thu bán hàng:**

---

---

## Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn bán hàng.
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu.
- Giấy báo Có của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan...

## Tài khoản kế toán sử dụng

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó:

- TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.

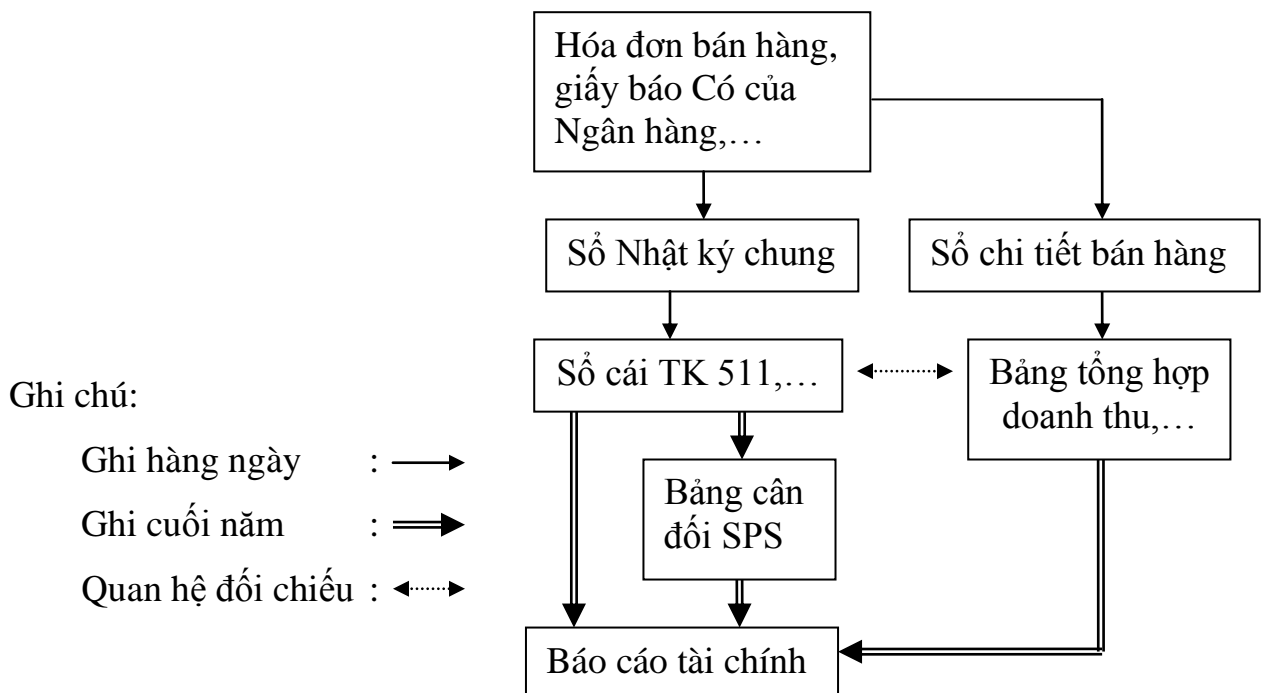
TK 131- Phải thu khách hàng.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

## Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ chi tiết bán hàng, Sổ tiền gửi Ngân hàng.
- Sổ cái TK 511, TK 112, TK131.

## Trình tự hạch toán kế toán doanh thu



---

---

Khi một nghiệp vụ xuất khẩu sản phẩm phát sinh, bộ chứng từ gồm có: Đơn đặt hàng, Hợp đồng bán hàng, Commercial Invoice (hóa đơn thương mại), Packing List, Hóa đơn xuất khẩu, Tờ khai hàng hóa xuất khẩu,...



BẢN DỊCH

## ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số: CARTELLO-008

Kính gửi: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Công ty TNHH Nakashima Holdings có nhu cầu đặt hàng tại quý công ty theo mẫu yêu cầu.

**Nội dung đặt hàng như sau:**

*Đơn vị: USD*

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chân vịt Cartello	chiếc	100	941.29	94,128.98
	<b>Tổng cộng:</b>				94,128.98

**Thời gian giao hàng:** giao hàng ngày 31 tháng 12 năm 2010.....

**Địa điểm giao hàng:** Cảng Mizushima, Okayama, Japan .....

**Phương thức thanh toán:**

- Chuyển khoản sau khi nhận được hàng.

*Nhật bản, ngày 15 tháng 12 năm 2010*

*Giám đốc công ty*

---

---

## **SALE OF CONTRACT**

*No:01/TTSHL-JP/2010*

*Date:Dec 28th, 2010*

### **PARTY A (SELLER): NAKASHIMA VIETNAM CO., LTD.**

- Address : Lot CN2.2B Dinh Vu Industrial Zone, Hai Phong, Viet Nam.
- Tel : +84.313.614325
- Account : 01319091089 at Indovina Bank Haiphong Branch.
- Swift code : EBVIVNVXHPH

### **PARTY B (BUYER): NAKASHIMA HOLDINGS CO., LTD.**

- Address : 688-1, Joto-Kitagata, Higashi-ku, Okayama, 709-0625, Japan.
- Tel : 852-2858-5182
- Account : 012-926-1-017189-7 at Mitsubishi Bank Co., Ltd.
- Swift code : BKCHHJPHH

We both sign a contract of selling and buying a finished product under the following terms and conditions:

#### **Article 1. Commodity**

Party A- Nakashima VietNam Co., Ltd sells Party B- Nakashima Holdings Co., Ltd a quantity and quality of commodity as follows:

1. Commodity name: Cartello Model propeller, diameter 5m.
2. Quality:
3. Unit price: USD 941.29/ unit of finished product ( FOB Hai Phong, Viet Nam Incoterm 2000)
4. Quantity for delivery: 100 cases, 100 units.
5. Package: in carton; NW: 10kg.

#### **Article 2. Parties' responsibilities**

\* Party B's responsibilities

---

---

- When receiving notice of shipment at the border gate from Party A, Party B shall arrange to handle cargo properly. Any expenses arising from late handling will be for Party B's account.

- Taking responsibility to pay in due term in the sale of contract.

- Bearing an interest stipulated by The State Bank of VietNam in case of overdue term.

\* Party A's responsibilities

- Taking responsibility to delivery the commodity strictly as perthe quality specified in the contract.

- Provide the document for Party B: Packing list, invoice.

### **Article 3. Time and place of delivery**

- Time of delivery: Lastest shipment: before Dec 31, 2010 as assigned by Party B according to each order.

- Place of delivery: Haiphong port.

- Means of transport: by ship.

### **Article 4. Payment mode**

- The price and specification of commodity will be shown in the invoices and agreed by both parties. Party B will pay Party A by TT after received goods.

- This contract is made in two (02) originals of the same validity, either party keeps 01 of them. The contract is valid from the signing date to the end of 31/12/2010.

- The contract signed through. Mail is valid, too.

**FOR PARTY A**

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
NAKASHIMA  
VIỆT NAM  
Q. HẢI AN T.P. HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
NGUYỄN THANH BÌNH

**FOR PARTY B**

CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM  
T. QUẢNG BÌNH, QUẢNG BÌNH

Nakashima  
Holdings  
Japan

# NAKASHIMA VIETNAM COMPANY LIMITED

Lot CN2.2B Dinh Vu Industrial Zone, Hai An, Hai Phong City, VietNam.

Tel: +84.313.614325 Fax: +84.313.614329

## COMMERCIAL INVOICE

CONTRACT NO: 01/TTSHL-JP/2010

INVOICE NO: 03/2010

DATE: DEC 28<sup>TH</sup>, 2010

BUYER:				
NAKASHIMA HOLDINGS CO., LTD				
Add: 688-1, Joto-Kitagata, Higashi-ku, Okayama, 709-0625, Japan.				
FROM:			TO:	
MEANS OF TRANSPORT: BY SHIP			PAYMENT: TT after received goods	
Mask& No	Description of goods	Quantity	Unit price	Amount
		(UNITS)	(USD/UNIT)	(USD)
			FOB HAIPHONG	
	CARTELLO MODEL PROPELLER, BY BRASS, DIAMETER 5M	100	941.29	94,128.98
	TOTAL:	100		94,128.98
NET WIEGHT: (SAY: US DOLLARS NINETY FOUR THOUSAND ONE HUNDRED TWENTY EIGHT )				



# NAKASHIMA VIETNAM COMPANY LIMITED

Lot CN2.2B Dinh Vu Industrial Zone, Hai An, Hai Phong City, VietNam.

Tel: +84.313.614325 Fax: +84.313.614329

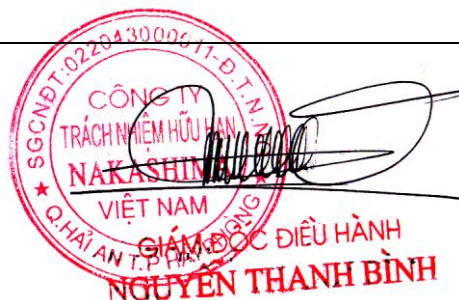
## PACKING LIST/ WEIGHT LIST

CONTRACT NO: 01TTSHL-JP/2010

INVOICE NO: 03/2010

DATE: DEC 28<sup>ST</sup>, 2010

BUYER:				
NAKASHIMA HOLDINGS CO., LTD				
Add: 688-1, Joto-Kitagata, Higashi-ku, Okayama, 709-0625, Japan				
FROM:			TO:	
MEANS OF TRANSPORT: BY SHIP			PAYMENT: TT after received goods	
Mask& No	Description of goods	Quantity (cases)	Net weight (kgs)	Gross weight (kgs)
	CARTELLO MODEL PROPELLER, BY BRASS, DIAMETER 5M	100	900	1,000
	TOTAL:	100 CARTON	900	1,000
NET WEIGHT: 90%; CARTON: 10% (SAY: ONE HUNDRED CARTONS ONLY)				



---

---

Căn cứ để xác định doanh thu là các hóa đơn xuất khẩu. Hóa đơn xuất khẩu do phòng xuất nhập khẩu lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu.

Liên 2: Giao cho khách hàng.

Liên 3: Dùng làm chứng từ ghi sổ.

Trên hóa đơn ghi các thông tin về tên công ty, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, thanh toán ngay hay công nợ, hình thức thanh toán...

Hóa đơn xuất khẩu được lập như mẫu sau:



**HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU**  
**INVOICE EXPORT**

Mẫu số/ Model no: 06HDXK/001  
Ký hiệu/ Sign: NV/11T  
Số/ No: **0096749**

Liên 3: (Nội bộ)/ 3<sup>rd</sup> copy: Innerr circulation  
Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Tên đơn vị nhập khẩu/ Import unit name: Nakashima Holdings Co.,Ltd.....  
Địa chỉ/ Address: Okayama, Japan .....  
Số Tài khoản/ Account no: 08945356567 .....  
Điện thoại/ Tel: .....MS : .....  
Số hợp đồng/ Number of contracts: 01/TTSHL-JP/2010.....  
Ngày hợp đồng/ On contract: 28/12/2010.....  
Hình thức thanh toán/ For payment: chưa thanh toán.....  
Địa điểm giao hàng/ Location: Cang Hai Phong.....  
Địa điểm nhận hàng/ Delivery location: Cang Mizushima, Okayama, Japan.....  
Số vận đơn/ Waybill number:.....  
Số container/ Container no:.....  
Tên đơn vị vận chuyển/ Transprtation company: Công ty CP van tai bien Vinaship.....  
Tên đơn vị xuất khẩu/ Export unit name: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.....  
Địa chỉ/ Address: Hải An, Hải Phòng.....  
Số tài khoản/ Account no: 01319091089.....  
Điện thoại/ Tel:.....  
Email: sales@nakashimavn.com..... Website: [www.nakashima.co.jp](http://www.nakashima.co.jp).....

Đơn vị: USD

STT (No)	Tên hàng hóa (Description)	Đơn vị (unit)	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Chân vịt Cartello	chiếc	100	941.29	94,128.98
Cộng tiền hàng/ Total:					94,128.98

Số tiền viết bằng chữ/ In word:.....

Người bán hàng/ Seller  
(Ký, ghi rõ họ tên)/  
(Signature, full name)


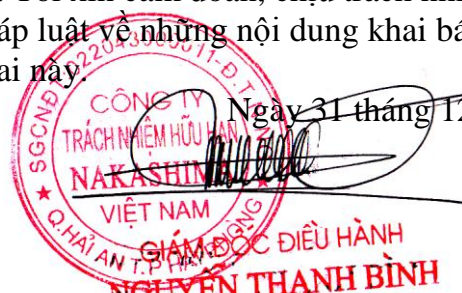
Thủ trưởng đơn vị/ Leader  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)/  
(Signature, full name)



# TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Bản lưu người khai Hải quan

HQ2002-XK

<b>TỔNG CỤC HẢI QUAN</b> CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG Cục Hải quan CỤC HẢI QUAN CK Chi cục Hải quan: 31-12-2010 ĐÃ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN		Tờ khai số: 291/XK/SXXX/ Ngày đăng ký: 31/12/2010 Số lượng phục lục tờ khai:	Cán bộ đăng ký (ký ghi rõ họ tên) 				
<b>A - PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI HẢI QUAN KÊ KHAI</b>							
1. Người xuất khẩu <input type="text"/> Nakashima VietNam Co., Ltd Lot CN2.2B Dinh Vu Industrial Zone, Hai An, Hai Phong, VietNam.		5. Loại hình: <input checked="" type="checkbox"/> Không thuế „ KD „ ĐT „ XTN „ GC <input checked="" type="checkbox"/> SXXX „ TX „		6. Giấy phép (nếu có) Số: Ngày: Ngày hết hạn:			
2. Người nhập khẩu <input type="text"/> Nakashima Holdings Co., Ltd Joto- Kitagata, Okayama, Japan.		7. Hợp đồng Số: CARTELLO-008 Ngày: 28/12/2010 Ngày hết hạn:		8. Nước nhập khẩu: Nhật Bản <table border="1" style="margin-left:auto; margin-right:auto;"> <tr> <td style="width:20px; text-align:center;">J</td> <td style="width:20px; text-align:center;">P</td> </tr> </table>	J	P	
J	P						
3. Người ủy thác <input type="text"/>		9. Cửa khẩu xuất hàng: <p style="text-align:center;">Hai Phong</p>		10. Điều kiện giao hàng: FOB Hai Phong			
4. Đại lý làm thủ tục Hải quan <input type="text"/>		11. Đồng tiền thanh toán: <table border="1" style="margin-left:auto; margin-right:auto;"> <tr> <td style="width:20px; text-align:center;">U</td> <td style="width:20px; text-align:center;">S</td> <td style="width:20px; text-align:center;">D</td> </tr> </table> Tỷ giá: 19,500		U	S	D	12. Phương thức thanh toán: TT after received goods
U	S	D					
STT	13. Tên hàng, quy cách phẩm chất	14. Mã số HH	15. Lượng	16. Đơn vị tính	17. Đơn giá ngoại tệ	18. Trị giá nguyên tệ	
1	Cartello Model propeller	CA	100	chiếc	941.29	94,128.98 usd	
2	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
3	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
4	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
Cộng:						94,128.98 usd	
19. Chứng từ đi kèm:      Bản chính      Bản sao - Hợp đồng thương mại:      .....      ...01... - Bản kê chi tiết:      .....      ..... - Packing List:      .....      ...01... -		20. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này. Ngày 31 tháng 12 năm 2010  GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH NGUYỄN THANH BÌNH					



Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

## BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 01/TTSHL-JP/2010 ngày 28 tháng 12 năm 2010.

Hôm nay ngày 31/12/2010, chúng tôi gồm:

### **BÊN GIAO HÀNG: CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM.**

- Đại diện : Ông Kenji Okada.
- Chức vụ : Tổng Giám Đốc.
- Địa chỉ : Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng.
- Điện thoại : +84.313.614325
- Fax : +84.313.614329

### **BÊN NHẬN HÀNG: CÔNG TY TNHH NAKASHIMA HOLDINGS.**

- Đại diện : 菱東京
- Chức vụ: : 銀行
- Địa chỉ : 688-1, Joto-Kitagata, Higashi-ku, Okayama, 709-0625, Japan.
- Điện thoại : 852-2858-5182
- Fax : 852-2858-5188

Hai bên tiến hành giao nhận hàng như sau:

Bên giao hàng đã giao lô hàng Chân vịt CARTELLO Model cho Bên nhận hàng, nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng chân vịt : 100 chiếc.
- Số lượng thùng carton : 100 thùng (cartons).

Số lượng hàng trên được giao nguyên đai, nguyên kiện, không bung, không hỏng. Bên nhận hàng đã nhận đầy đủ số lượng hàng hóa nêu trên.

### **BÊN GIAO HÀNG**



### **BÊN NHẬN HÀNG**

菱東京

銀行の会社情報や、さまざまな活動についてご覧いただけます

---

---

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn xuất khẩu (*liên 3*) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 1*) đồng thời phản ánh vào Sổ chi tiết bán hàng (*biểu 2*).

Sổ chi tiết bán hàng được lập cho từng loại sản phẩm, trên đó phản ánh: ngày tháng ghi sổ, số hiệu chứng từ, hình thức thanh toán, các khoản giảm trừ. Cụ thể, đối với hóa đơn xuất khẩu trên, kế toán sẽ vào Sổ chi tiết bán hàng cho thành phẩm chân vịt Cartello Model (mã CA).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 (*biểu 3*) và Sổ cái các TK khác có liên quan.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 511 để lập Bảng cân đối số phát sinh. Bảng tổng hợp doanh thu được lập từ Sổ chi tiết bán hàng, sau khi kiểm tra đối chiếu với Sổ cái TK 511, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 1:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010)

Đơn vị: USD

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
10/12	HĐXK0096746	Xuất 10 chiếc chân vịt BAYLINER theo hợp đồng số: BAYLINER-003	131	5112	4,896.10	4,896.10	USD	1
		...						
31/12	HĐXK0096748	Xuất 10 chiếc chân vịt YAMAHA theo hợp đồng số: YAMAHA-009	131	5112	19,756.80	19,756.80	USD	1
31/12	HĐXK0096749	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt CARTELLO Model theo hợp đồng: Cartello-008</b>	<b>131</b>	<b>5112</b>	<b>94,128.98</b>	<b>94,128.98</b>	<b>USD</b>	<b>1</b>
		...						
		<b>Cộng chuyển trang sau</b>						

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày...tháng...năm...  
T.Giám Đốc

**Biểu 2:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

TK: 5112

Tên sản phẩm: Chân vịt CARTELLO Model.....Mã: CA

Năm 2010

*Đơn vị: USD*

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản giảm trừ
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
						Nợ	Có	
		...						
HĐXK00967693	31/01	Xuất bán 50 chiếc chân vịt Cartello Model	131	50	938.96		46,948.00	
		...						
HĐXK00967698	27/02	Xuất bán 150 chiếc chân vịt Cartello Model	131	150	940.21		141,031.50	
		...						
<b>HĐXK0096749</b>	<b>31/12</b>	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt Cartello Model</b>	<b>131</b>	<b>100</b>	<b>941.29</b>		<b>94,128.98</b>	
		...						
		<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>503,497.85</b>	<b>503,497.85</b>	

**Biểu 3:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng  
 ( Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010)

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
		...								
10/12	HĐXK0096746	Xuất 11 chiếc chân vịt BAYLINER theo hợp đồng số: BAYLINER-003	511	131		4,896.10			USD	1
		...								
31/12	HĐXK0096748	Xuất 35 chiếc chân vịt YAMAHA theo hợp đồng số: YAMAHA-009	511	131		19,756.80			USD	1
<b>31/12</b>	<b>HĐXK0096749</b>	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt CARTELLO Model: theo hợp đồng: CARTELLO-008</b>	<b>511</b>	<b>131</b>		<b>94,128.98</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
31/12	KC1210-005	Kết chuyển doanh thu bán các thành phẩm năm 2010	511	911	1,678,326.15				USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			<b>1,678,326.15</b>	<b>1,678,326.15</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
		Số dư cuối kỳ								

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày...tháng...năm...  
 T.Giám Đốc

---

---

### 2.2.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu tại doanh nghiệp gồm khoản hàng bán bị trả lại (không có các khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại). Thực tế, rất hiếm khi phát sinh khoản này, do doanh nghiệp luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu.

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.

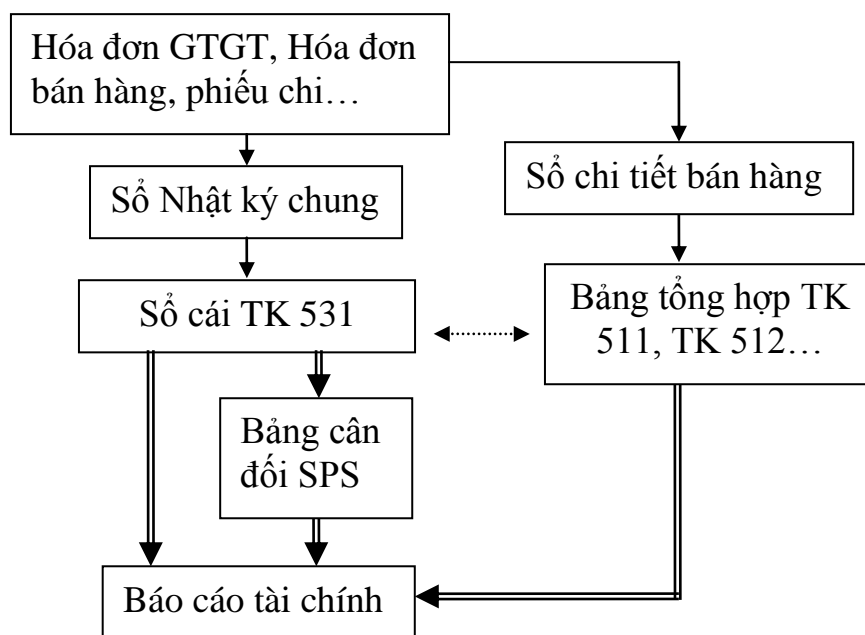
#### Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 531- Hàng bán bị trả lại.
- TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.
- TK 131- Phải thu khách hàng.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 531, 112, 131.
- Sổ chi tiết bán hàng, Sổ tiền gửi Ngân hàng.

#### Trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



---

---

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : →  
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ : ⇒  
Quan hệ đối chiếu : ⇔

### **2.2.1.3 Thuế xuất khẩu:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam là doanh nghiệp chế xuất nằm ngoài Khu chế xuất. Các hàng hóa, sản phẩm từ doanh nghiệp chế xuất hay từ Khu chế xuất khi xuất khẩu sang nước ngoài đều được miễn thuế xuất khẩu.

### **2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán:**

#### **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

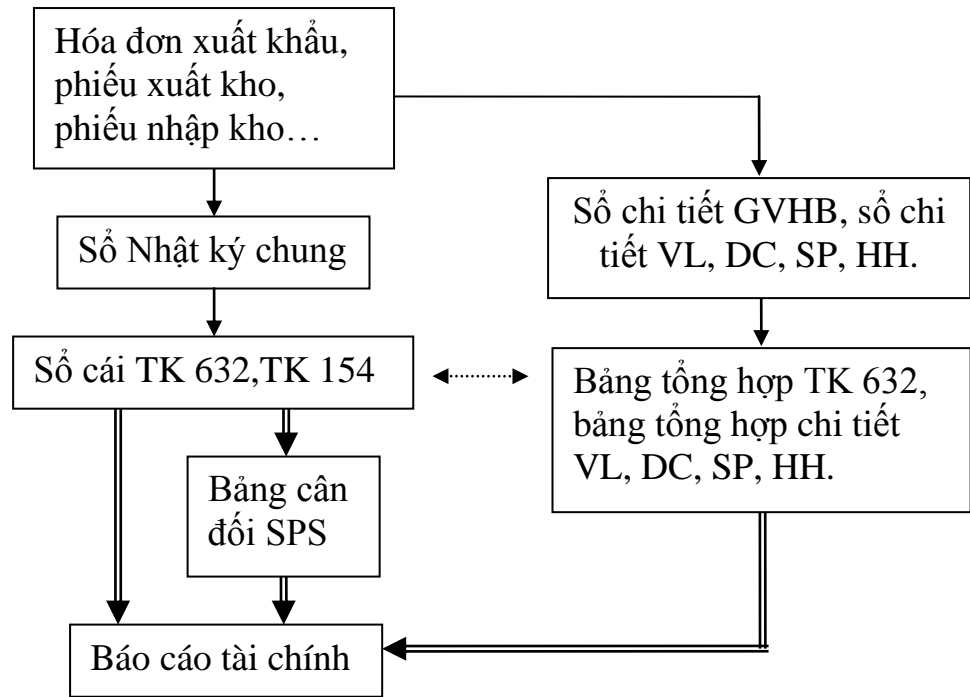
#### **Tài khoản kế toán sử dụng**

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

#### **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ chi tiết giá vốn.
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Sổ cái TK 632, TK 154.

#### **Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối năm :  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu :  $\longleftrightarrow$

Căn cứ vào Hóa đơn xuất khẩu (liên 3), thủ kho lập phiếu xuất kho và gửi lên phòng kế toán. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại sổ, 1 liên đính với Hóa đơn xuất khẩu để làm thủ tục, liên còn lại giao cho người nhận hàng.





**HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU**  
**INVOICE EXPORT**

Mẫu số/ Model no: 06HDXK/001

Ký hiệu/ Sign: NV/11T

Số/ No: **0096749**

Liên 3: (Nội bộ)/ 3<sup>rd</sup> copy: Innerr circulation

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tên đơn vị nhập khẩu/ Import unit name: Nakashima Holdings Co.,Ltd.....

Địa chỉ/ Address: Okayama, Japan .....

Số Tài khoản/ Account no:08945356567 .....

Điện thoại/ Tel: .....MS .....

Số hợp đồng/ Number of contracts: CARTELLO-008.....

Ngày hợp đồng/ On contract: 28/12/2010.

Hình thức thanh toán/ For payment: chưa thanh toán.....

Địa điểm giao hàng/ Location:.....

Địa điểm nhận hàng/ Delivery location:.....

Số vận đơn/ Waybill number:.....

Số container/ Container no:.....

Tên đơn vị vận chuyển/ Transprtation company:.....

Tên đơn vị xuất khẩu/ Export unit name: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.....

Địa chỉ/ Address: Hải An, Hải Phòng.....

Số tài khoản/ Account no: 01319091089.....

Điện thoại/ Tel:.....

Email: sales@nakashimavn.com..... Website: [www.nakashima.co.jp](http://www.nakashima.co.jp).....

Đơn vị: USD

STT (No)	Tên hàng hóa (Description)	Đơn vị (unit)	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Chân vịt Cartello	chiếc	100	941.29	94,128.98

Cộng tiền hàng/ Total: 94,128.98

Số tiền viết bằng chữ/ In word:.....

Người bán hàng/ Seller  
(Ký, ghi rõ họ tên)/  
(Signature, full name)

Thủ trưởng đơn vị/ Leader  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)/  
(Signature, full name)



---

---

## BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC

Tên sản phẩm, dịch vụ: Chân vịt CARTELLO Model.

Mã sản phẩm, dịch vụ: CA.

Tháng 12 năm 2010.

Đơn vị: USD.

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng Z
1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	0	14,303.27	0	14,303.27
2. Chi phí nhân công trực tiếp.	0	9,913.13	0	9,913.13
3. Chi phí sản xuất chung.	0	61,355.42	0	61,355.42
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>85,571.82</b>	<b>0</b>	<b>85,571.82</b>

Trong tháng 12, công ty hoàn thành được 100 sp chân vịt Cartello Model, với tổng giá thành là 85,571.82 USD.

Giá thành đơn vị 1sp =  $85,571.82 / 100 \approx 855.72$  USD

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-030

Nợ: TK 632.....

Có: TK 154.....

Họ, tên người nhận hàng: Phòng xuất nhập khẩu .....

Lý do xuất : Xuất bán chân vịt.....

Đơn vị : USD

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	
				Theo yêu cầu	Thực xuất			
A	B	C	D	1	2	3	4	
1	Chân vịt Cartello	VC	cái	100	100	855.72	85,571.82	
Cộng							855.72	85,571.82

Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....

Xuất ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn xuất khẩu và phiếu xuất kho, kế toán hạch toán giá vốn vào Sổ Nhật ký chung (biểu 4) đồng thời ghi nhận vào Sổ chi tiết giá vốn (biểu 5).

Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 632 (biểu 6) và Sổ cái các TK khác có liên quan.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 632 để lập Bảng cân đối số phát sinh. Bảng tổng hợp TK 632 được lập từ Sổ chi tiết giá vốn, sau khi kiểm tra, đối chiếu với Sổ cái TK 632, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 4:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010)

Đơn vị: USD

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỷ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
10/12	PX1210-002	Xuất 10 chiếc chân vịt BAYLINER theo hợp đồng số: BAYLINER-003	632	154	4,451	4,451	USD	1
31/12	PX1210-005	Xuất 10 chiếc chân vịt YAMAHA theo hợp đồng số: YAMAHA-009	632	154	17,960.70	17,960.70	USD	1
31/12	PX1210-006	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt CARTELLO Model theo hợp đồng: Cartello-008</b>	<b>632</b>	<b>154</b>	<b>85,571.82</b>	<b>85,571.82</b>	<b>USD</b>	<b>1</b>
		...						
		<b>Cộng chuyển trang sau</b>						

Ngày... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 5:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

TK: 632

Tên sản phẩm: Chân vịt CARTELLO Model.....Mã: CA

Năm 2010

*Đơn vị: USD*

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		...					
PX0110-002	31/01	Xuất bán 50 chiếc chân vịt Cartello Model	154	50	838.89	41,944.50	
		...					
PX0210-003	27/02	Xuất bán 150 chiếc chân vịt Cartello Model	154	150	839.57	125,935.50	
		...					
<b>PX1210-006</b>	<b>31/12</b>	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt Cartello Model</b>	<b>154</b>	<b>100</b>	<b>855.72</b>	<b>85,571.82</b>	
		...					
		<b>Cộng số phát sinh</b>				<b>371,550.41</b>	<b>371,550.41</b>

**Biểu 6:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán  
 Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	ĐỐI ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số chứng từ				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
		...								
10/12	PX1210-002	Xuất 10 chiếc chân vịt BAYLINER theo hợp đồng số: BAYLINER-003	632	154	4,451				USD	1
		...								
31/12	PX1210-005	Xuất 10 chiếc chân vịt YAMAHA theo hợp đồng số: YAMAHA-009	632	154	17,960.70				USD	1
31/12	<b>PX1210-006</b>	<b>Xuất bán 100 chiếc chân vịt CARTELLO Model theo hợp đồng: Cartello-008</b>	632	154	<b>85,571.82</b>				<b>USD</b>	<b>1</b>
31/12	KC1210-006	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911		1,238,501.36			USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			<b>1,238,501.36</b>	<b>1,238,501.36</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
		Số dư cuối kỳ								

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

 Ngày...tháng...năm...  
 T.Giám Đốc

---

---

### 2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng:

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### Tài khoản kế toán sử dụng

TK 641- Chi phí bán hàng. Trong đó:

- TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

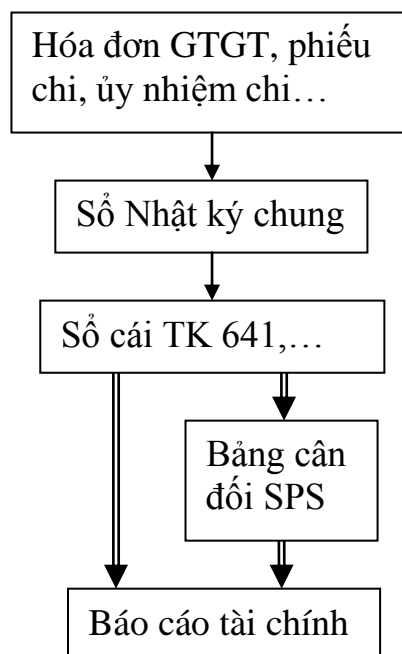
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK 111,...

#### Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒



---

---

Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ chủ yếu là: chi phí vận chuyển hàng hóa từ xưởng đến địa điểm giao hàng, phí xếp hàng lên tàu...tùy theo điều khoản ghi trên hợp đồng ký kết với khách hàng.

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), Phiếu phi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 7*).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 641 (*biểu 8*).

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 641 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Quyển số: 09 .....

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-039.....

Nợ: TK 6417 .....

Có: TK 1111.....

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Thu Hoài .....

Địa chỉ: Phòng kinh doanh .....

Lý do chi: Thanh toán tiền bao bì cho lô hàng Cartello Model-008 .....

Số tiền: 2,500,000 VND(viết bằng chữ) Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.....

Kèm theo.....Chứng từ gốc

Giám Đốc  
điều hành

Kế toán  
trưởng

Thủ quỹ

Người lập  
phiếu

Người nhận  
tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ ): Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn .....

- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,500 VND .....

- Số tiền quy đổi:.....

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 09.....

Số: 1210-041.....

Nợ: TK 6417.....

Có: TK 1111.....

Họ và tên người nhận tiền: Trần Hữu Vinh .....

Địa chỉ: Phòng xuất nhập khẩu .....

Lý do chi: Thanh toán phí vận chuyển và xếp hàng của lô hàng Cartello Model-008

Số tiền: 3,500,000 VND(viết bằng chữ) Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn. ....

Kèm theo ..... Chứng từ gốc

Giám Đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
điều hành	trưởng		phiếu	tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.....

- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,500 VND .....
- Số tiền quy đổi: .....

**Biểu 7:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010*

*Đơn vị: USD*

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		.....						
03/12	GBC1210-002	Khách hàng trả tiền lô hàng mua tháng 11/2010	11222	131	5,875.25	5,875	USD	1
		.....						
10/12	PC1210-022	Mua 200L dầu Diesel cho phòng sx	1524	1111	199.54	3,890,000	VND	19,495
		.....						
<b>27/12</b>	<b>PC1210-039</b>	<b>Thanh toán tiền bao bì cho lô hàng Cartello Model.</b>	<b>6417</b>	<b>1111</b>	<b>128.21</b>	<b>2,500,000</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
<b>28/12</b>	<b>PC1210-041</b>	<b>Thanh toán tiền vận chuyển và xếp hàng lô hàng Cartello Model</b>	<b>6417</b>	<b>1111</b>	<b>179.49</b>	<b>3,500,000</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
		.....						
		Cộng chuyển trang sau						

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 8:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 641: Chi phí bán hàng  
Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đôi ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỷ giá
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
		...								
27/12	PC1210-039	Thanh toán tiền bao bì cho lô hàng Cartello Model.	6417	1111	128.21		2,500,000		VND	19,500
28/12	PC1210-041	Tiền vận chuyển và xếp hàng (100 chiếc chân vịt CARTELLO Model)	6417	1111	179.49		3,500,000		VND	19,500
31/12	KC1210-007	Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kd	6417	911		36,347.30			USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			36,347.30	36,347.30			USD	1
		Số dư cuối kỳ								

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

---

---

## **2.2.4 Chi phí Quản lý doanh nghiệp:**

### **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó:

- TK 6421- Chi phí nhân viên quản lý.
  - TK 64211- Công nhân và quản lý người Việt.
  - TK 64212- Công nhân và quản lý người Nhật.
- TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425- Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428- Chi phí khác.

TK 111- Tiền mặt.

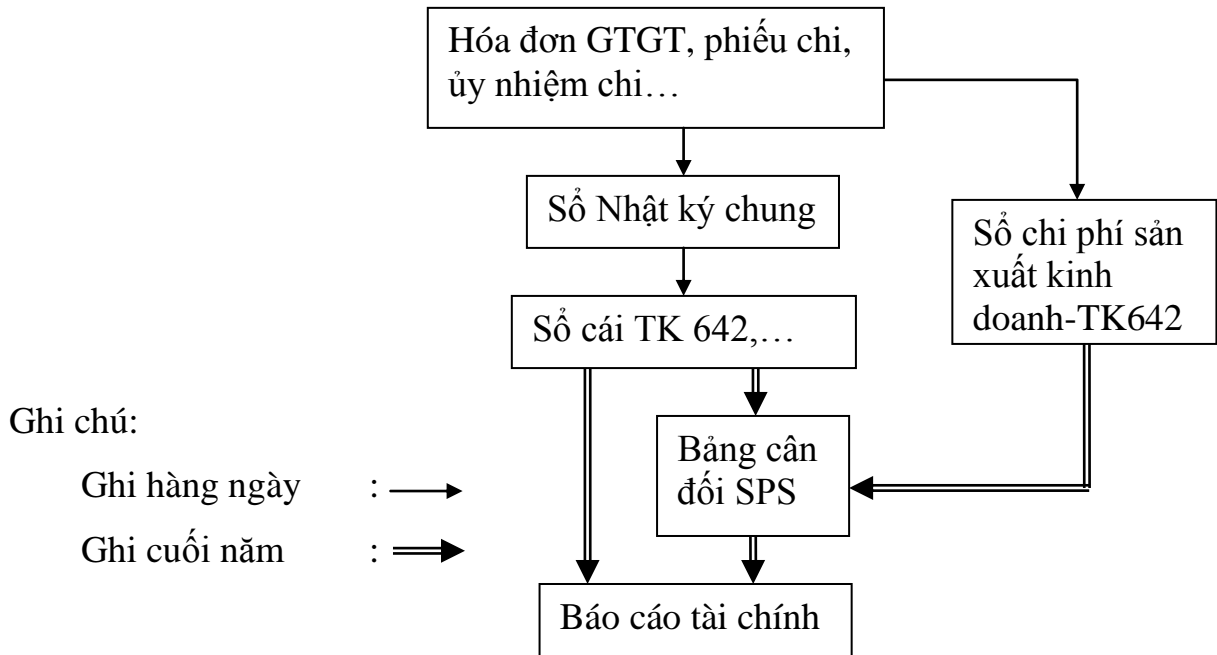
TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

### **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh, sổ tiền gửi Ngân hàng,...
- Sổ cái TK 642, TK 111,...

### **Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



#### 2.2.4.1 Tính lương phải trả và các khoản trích BHXH, BHYT cho nhân viên quản lý:

Căn cứ vào Bảng lương tháng 12 và Bảng trích theo lương tháng 12, kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 9*), đồng thời ghi nhận vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- TK 642 (*biểu 10*).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 (*biểu 11*).

## BẢNG LƯƠNG THÁNG 12/2010

Đơn vị: USD

STT	Họ và tên	C.vụ	Lương tối thiểu	Hệ số lương	Lương cơ bản	Phụ cấp	Thưởng	Tổng cộng	BHXH, BHYT trừ vào lương	Thực lĩnh
1	2	3	4	5	6= 4*5	7	8	9=6+7+8	11	12=9 - 11
I	Bộ phận QLDN									
1	Nguyễn Thanh Bình	GĐDH	37.44	6.56	245.61	81.87	25.64	353.12	18.42	334.70
2	Bùi Hương Quỳnh Anh	KTT	37.44	5.7	213.41	71.14	15.38	299.93	16.01	283.92
...	.....							.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>				<b>4,739.89</b>	<b>947.98</b>	<b>331.79</b>	<b>6,019.66</b>	<b>247.48</b>	<b>5,772.18</b>
II	Bộ phận QLPX									
1	Trần Văn Sơn	Bảo vệ	37.44	1.68	62.90	19.13	7.69	89.72	4.72	85.00
...	.....							.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>				<b>2,029.87</b>	<b>223.29</b>	<b>101.49</b>	<b>2,354.65</b>	<b>98.24</b>	<b>2,256.41</b>
III	Công nhân trực tiếp sản xuất									
1	Lê Thành Nam	CN	37.44	2.67	99.96	31.99	12.82	144.77	7.50	137.28
...	.....							.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>				<b>6,743.18</b>	<b>741.75</b>	<b>337.16</b>	<b>7,822.09</b>	<b>505.74</b>	<b>7,316.35</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>13,512.94</b>			<b>16,196.40</b>	<b>851.47</b>	<b>15,344.94</b>

## BẢNG TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12/2010

Đơn vị: USD

STT	Bộ phận	Lương cơ bản	Tổng cộng	Người sử dụng lao động chịu			Người lao động chịu		Thực lĩnh
				BHXXH_3383 (16%)	BHYYT_3384 (3%)	Tổng 338	BHXXH_3383 (6%)	BHYYT_3384 (1.5%)	
1	Công nhân trực tiếp sản xuất	6,743.18	<b>7,822.09</b>	1,078.91	202.29	1,281.20	404.59	101.15	<b>7,316.35</b>
2	Công nhân quản lý phân xưởng	2,029.87	<b>2,354.65</b>	209.57	39.3	248.87	78.59	19.65	<b>2,256.41</b>
3	Nhân viên quản lý doanh nghiệp	4,739.89	<b>6,019.66</b>	527.98	99.00	626.98	197.99	49.49	<b>5,772.18</b>
	Cộng	13,512.94	<b>16,196.40</b>	1,816.47	340.59	2,157.05	681.18	170.29	<b>15,344.94</b>



#### 2.2.4.2 Chi phí văn phòng phẩm:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, phiếu tạm ứng...kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu 9), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh-TK 642 (biểu 10).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 (biểu 11).

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

### PHIẾU CHI

Quyển số: 09.....

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-009 .....

Nợ: TK 64222.....

Có: TK 1111 .....

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hà Linh.....

Địa chỉ: .....

Lý do chi: Mua đồ dùng văn phòng phẩm tháng 12/2010.....

Số tiền: 1,500,000 VND..(viết bằng chữ) Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn...

Kèm theo ..... Chứng từ gốc

Giám Đốc  
điều hành

Kế toán  
trưởng

Thủ quỹ

Người lập  
phiếu

Người nhận  
tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ ): Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn .....

- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,495 VND .....

- Số tiền quy đổi: .....

### 2.2.4.3 Chi phí đồ dùng văn phòng:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, phiếu tạm ứng...kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu 9), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- TK 642 (biểu 10).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 (biểu 11).

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam				
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng				
<b>PHIẾU CHI</b>			Quyển số: 09.....	
Ngày 10 tháng 12 năm 2010			Số: 1210-022.....	
			Nợ: TK 64231....	
			Có: TK 1111 .....	
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hà Linh .....				
Địa chỉ: .....				
Lý do chi: Mua cột để treo áo, mũ...cho phòng Giám Đốc.....				
Số tiền: 800,000 VND.....(viết bằng chữ) Tám trăm nghìn đồng chẵn.....				
Kèm theo ..... Chứng từ gốc				
Giám Đốc điều hành	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ ): Tám trăm nghìn đồng chẵn.....				
- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,495 VND .....				
- Số tiền quy đổi: .....				

---

---

#### **2.2.4.4 Trích khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý:**

Căn cứ vào Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ, kế toán phản ánh các nghiệp vụ trích khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 9*), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- TK 642 (*biểu 10*).

Từ số liệu trên Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 (*biểu 11*).

## BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

*Tháng 12 năm 2010*

*Đơn vị: USD*

STT	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GTKH lũy kế đến cuối tháng 11	Mức KH năm (hoặc t/g sử dụng)	Số KH phải trích tháng 12	Phân bổ cho đối tượng sử dụng		GTKH lũy kế đến cuối tháng 12
								642	627	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6+8
1	01/12/2009	Máy photo	QLDN	8,997.43	899.74	10 năm	74.98	74.98		974.72
2	31/10/2009	Máy in	QLDN	1,059.79	143.52	8 năm	11.04	11.04		154.56
...		...								
12	30/09/2010	Máy tiện NC Model: MV-65B/50	Sản xuất	94,510.74	1,575.18	10 năm	787.59		787.59	2,362.77
13	01/12/2010	Khuôn đúc chân vịt bằng kim loại	Sản xuất	1,149.91	0	20%	19.17		19.17	19.17
14	01/12/2010	Khuôn đúc chân vịt bằng gỗ	Sản xuất	1,093.14	0	20%	18.22		18.22	18.22
15		Máy vi tính	QLDN							
...		...								

---

---

#### **2.2.4.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty bao gồm: cước phí điện thoại, tiền điện, tiền nước, internet,...

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), phiếu chi, ủy nhiệm chi...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 9*), đồng thời ghi nhận vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- TK 642 (*biểu 10*).

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 (*biểu 11*).



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/2010T

Số: 555878

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.....

Mã số:

Địa chỉ (address): Hải An, Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 3614325.....Mã số (code):.....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2010	4,254,464
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	4,254,464
Thuế suất GTGT : 0%	Tiền thuế GTGT (2) 0
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	4,254,464

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi tư đồng.....

Người nộp tiền ký

Ngày...tháng...năm...

Nhân viên giao dịch ký



**ỦY NHIỆM CHI**  
**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN**  
Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-033

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam .....

Số tài khoản: 01319091089.....

Tại ngân hàng: Ngân hàng IVB .. tỉnh, TP: Hải Phòng.....

PHÂN.DU.NH GHI  
TÀI KHOẢN NỢ

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty VNPT Hải Phòng .....

Số tài khoản: 01273647956.....

Tại ngân hàng: Ngân hàng BIDV ..tỉnh, TP: Hải Phòng .....


TÀI KHOẢN CÓ

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn  
trăm sáu mươi tư đồng .....

SỐ TIỀN BẰNG SỐ  
4,254,464

Nội dung thanh toán: Thanh toán cước phí điện thoại tháng 11/2010.....

.....

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
		

**2.2.4.6 Các chi phí khác:**

Các chi phí khác bao gồm: công tác phí, vé máy bay, chi phí tiếp khách, sách, báo, tạp chí,...

Căn cứ vào phiếu chi, ủy nhiệm chi...kế toán hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung (biểu 9), đồng thời ghi Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- TK 642 (biểu 10). Số liệu ghi trên Nhật ký chung làm cơ sở ghi vào Sổ Cái TK 642 (biểu 11).

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Quyển số: 09.....

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-027 .....

Nợ: TK 642801..

Có: TK 1111 .....

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thanh Bình .....

Địa chỉ: Giám Đốc điều hành.....

Lý do chi: Công tác phí tại Italy cho Mr Binh .....

Số tiền: 17,358,000 VND(viết bằng chữ) Mười bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn.....

Giám Đốc  
điều hành

Kế toán  
trưởng

Thủ quỹ

Người lập  
phiếu

Người nhận  
tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ ): Tám trăm nghìn đồng chẵn.....

- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,500 VND .....

- Số tiền quy đổi: .....

► Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.



**Biểu 9:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010)

Đơn vị: USD

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
5/12	PC1210-009	Mua văn phòng phẩm	64222	1111	76.94	1,500,000	VNĐ	19,495
10/12	PC1210-022	Mua cột treo áo, mũ...	64231	1111	41.04	800,000	VNĐ	19,495
15/12	HĐ0555878	Thanh toán cước điện thoại bằng TGNH IVB	642706	11222	218.18	4,254,464	VNĐ	19,500
15/12	PC1210-027	Công tác phí tại Italy cho Mr Binh	642801	1111	890.15	17,358,000	VNĐ	19,500
27/12	PKT1210-006	Tính lương tháng 12/2010 cho cán bộ CNV	6421	334	6,019.66	6,019.66	USD	1
27/12	PKT1210-007	Trích BHXH, BHYT	6421	338	626.98	626.98	USD	1
31/12	PKT1210-011	Trích khấu hao máy photo	6424	214	74.98	74.98	USD	1
		...						
		Cộng chuyển trang sau						

**Biểu 10:****SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra						
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	TK6421	TK6422	TK6423	TK6424	TK6425	TK6427	TK6428
		Số dư đầu kỳ										
PC1210-009	05/12	Mua văn phòng phẩm	1111	76.94		76.94						
PC1210-022	10/12	Mua cột treo áo, mũ...	1111	41.04			41.04					
HĐ0555878	15/12	Thanh toán cước điện thoại bằng TGNH IVB	11222	218.18							218.18	
PC1210-027	15/12	Công tác phí tại Italy cho Mr Bình	1111	890.15								890.15
PKT1210-006	27/12	Tính lương tháng 12/2010 cho cán bộ CNV	334	6,019.66		6,019.66						
PKT1210-011	31/12	Trích khấu hao máy photo	214	74.98				74.98				
		...										
KC1210-008	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911		316,942.06							
		Cộng phát sinh		<b>316,942.06</b>	<b>316,942.06</b>	112,451.51	6,038.23	963.82	5,976.08	1,284.70	114,732.19	75,495.53
		Số dư cuối kỳ										

**Biểu 11:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Trích một sổ nghiệp vụ tháng 12/2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số chứng từ				Nợ	Có	Nợ	Có		
		<b>Số dư đầu kỳ</b>								
5/12	PC1210-009	Mua văn phòng phẩm								
10/12	PC1210-022	Mua cột treo áo, mũ...								
15/12	HĐ0555878	Thanh toán cước điện thoại bằng TGNH IVB	642706	11222	218.18		4,254,464		VNĐ	19,500
15/12	PC1210-027	Công tác phí tại Italy cho Mr Binh	642801	1111	890.15		17,358,000		VNĐ	19,500
27/12	PKT1210-006	Tính lương tháng 12/2010 cho cán bộ CNV	642121	334	6,019.66		6,019.66		USD	1
31/12	PKT1210-011	Trích khấu hao máy photo	6424	214	74.98		74.98		USD	1
		...								
31/12	KC1210-008	Kết chuyển chi phí QLDN	642	911		316,942.06			USD	1
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			<b>316,942.06</b>	<b>316,942.06</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>								

---

---

## 2.2.5 Chi phí Tài chính và Doanh thu Tài chính:

### 2.2.5.1 Chi phí tài chính:

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo Nợ của Ngân hàng.
- Thông báo trả lãi vay của Ngân hàng.

#### Tài khoản kế toán sử dụng

TK 635- Chi phí tài chính. Trong đó:

- TK 6351- Chi phí lãi suất vay.
- TK 6352- Lỗ do chênh lệch tỷ giá.

TK 111- Tiền mặt.

TK 112- Tiền gửi ngân hàng.

TK 335- Chi phí phải trả.

TK 331- Phải trả người bán.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

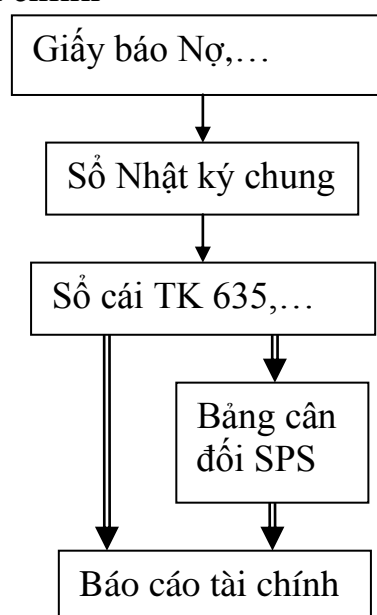
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 635, TK 111, TK 335...

#### Trình tự hạch toán kế toán chi phí tài chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒



---

Khi nhận được Giấy báo Nợ của Ngân hàng BTMU thông báo về việc trả lãi cho khoản vay ngày 29/11/2010, kế toán hạch toán bút toán vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 12*). Sau đó, từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 635 (*biểu 13*).

Ngân hàng BTMU

**GIẤY BÁO NỢ**

Số:089-2010

Ngày: 31/12/2010

Kính gửi: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 00191006508

Số tiền bằng số: 13,458.33 USD.

Số tiền bằng chữ:

Nội dung: Lãi vay phải trả tháng 12 cho khoản vay ngày 29/11/2010.

**Biểu 12:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG***(Trích một số nghiệp vụ năm 2010)*

Đơn vị: USD

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
29/11	GBC037-2010	Vay dài hạn ngân hàng BTMU số tiền 1,900,000 USD	11221	341	1,900,000	1,900,000	USD	1
		...						
31/12	GBN089-2010	Trả lãi vay khoản vay 1,900,000 USD tháng 12/2010	6351	11221	13,458.33	13,458.33	USD	1
31/12	GBC064-2010	Lãi USD tài khoản 11221 tại Ngân hàng BTMU tháng 12/2010	11221	5151	997.63	997.63	USD	1
31/12	GBC1210-027	Lãi VND tài khoản 11212 tại Ngân hàng IVB tháng 12/2010	11212	5151	20.28	395,500	VND	19,500
		...						
		<b>Cộng chuyển trang sau</b>						

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 13:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 635: Chi phí tài chính  
Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đôi ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
		...								
30/12		Lỗi do chênh lệch tỷ giá của PKT1210-007	6352	11222	1.88			1.88	USD	1
		...								
31/12	GBN089-2010	Trả lãi vay khoản vay 1,900,000 USD tháng 12/2010	6351	11221	13,458.33		13,458.33		USD	1
31/12	KC1210-009	Kết chuyển Chi phí tài chính	635	911		154,880.11			USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			154,880.11	154,880.11			USD	1
		Số dư cuối kỳ								

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

---

---

### 2.2.5.2 Doanh thu tài chính:

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo Có của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### Tài khoản kế toán sử dụng

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính. Trong đó:

- TK 5151- Lãi Ngân hàng.
- TK 5152- Lãi do chênh lệch tỷ giá.

TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

TK 331- Phải trả người bán.

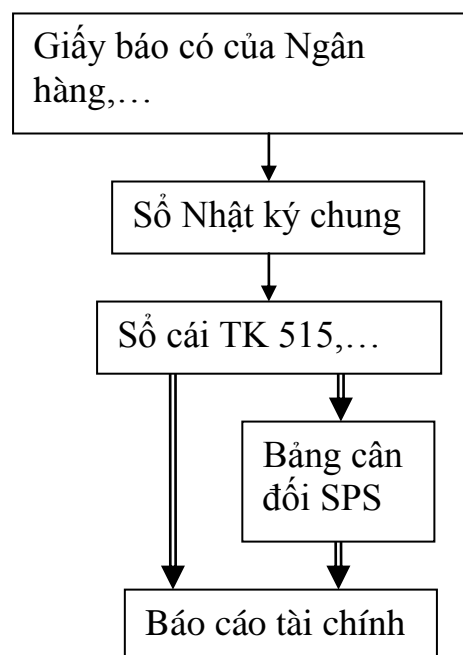
TK 334- Phải trả người lao động.

TK 338- Phải trả khác.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515, TK 112, TK 331...

#### Trình tự hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối năm :  $\Longrightarrow$



---

---

Hàng ngày, căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng,...kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 14*).

Từ số liệu đã ghi vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 515 (*biểu 15*).

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 515 để lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính

Ngân hàng INDOVINA

**GIẤY BÁO CÓ**

Số:1210-027

Ngày:31/12/2010



Kính gửi: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 01319091089

Số tiền bằng số: 395,500 VND.

Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi năm nghìn năm trăm đồng.

Nội dung: Lãi VND tài khoản 11212 tháng 12/2010.

**Biểu 14:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG***(Trích một số nghiệp vụ năm 2010)*

Đơn vị: USD

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỷ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
29/11	GBC037-2010	Vay dài hạn ngân hàng BTMU số tiền 1,900,000 USD	11221	341	1,900,000	1,900,000	USD	1
		...						
31/12		Trả lãi vay khoản vay 1,900,000 USD tháng 12/2010	6351	335	13,458.33	13,458.33	USD	1
31/12	GBC064-2010	Lãi USD tài khoản 11221 tại Ngân hàng BTMU tháng 12/2010	11221	5151	997.63	997.63	USD	1
<b>31/12</b>	<b>GBC1210-027</b>	<b>Lãi VND tài khoản 11212 tại Ngân hàng IVB tháng 12/2010</b>	<b>11212</b>	<b>5151</b>	<b>20.28</b>	<b>395,500</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
		...						
		<b>Cộng chuyển trang sau</b>						

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 15:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI***Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính**Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010**Đơn vị: USD*

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số				Nợ	Có	Nợ	Có		
		<b>Số dư đầu kỳ</b>								
		...								
31/12	GBC064-2010	Lãi USD tài khoản 11221 tại Ngân hàng BTMU tháng 12/2010	5151	11221		997.63		997.63	USD	1
<b>31/12</b>	<b>GBC1210-027</b>	<b>Lãi VND tài khoản 11212 tại Ngân hàng IVB tháng 12/2010</b>	<b>5151</b>	<b>11212</b>		<b>20.28</b>		<b>395,500</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
31/12	KC1210-010	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	33,453.20				USD	1
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			<b>33,453.20</b>	<b>33,453.20</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>								

Ngày...năm...tháng...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

---

---

## 2.2.6 Chi phí khác và thu nhập khác:

### 2.2.6.1 Chi phí khác:

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác.

#### Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 811- Chi phí khác.
- TK 111- Tiền mặt.
- TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

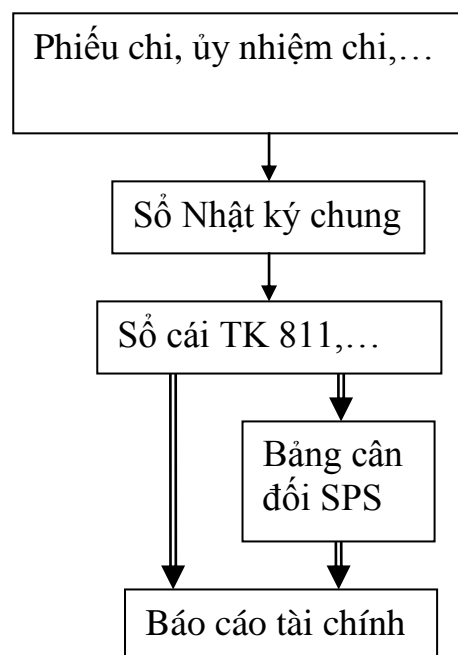
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 811, TK 111,...

#### Trình tự hạch toán chi phí khác

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒



Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng

**PHIẾU CHI**

Quyển số: 09 .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: 1210-040.....

Nợ: TK 811 .....

Có: TK 1111 .....

Họ và tên người nhận tiền: .....

Địa chỉ:.....

Lý do chi: Trả tiền dịch vụ chăm sóc cây cảnh tháng 12/2010.....

Số tiền: 244,500 VND (viết bằng chữ) Hai trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng .....

Kèm theo.....Chứng từ gốc

Giám Đốc  
điều hành

Kế toán  
trưởng

Thủ quỹ

Người lập  
phiếu

Người nhận  
tiền

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

- Tỷ giá ngoại tệ: 1USD = 19,500 VND.....
- Số tiền quy đổi:.....

Căn cứ vào Phiếu chi, ủy nhiệm chi,...kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung (*biểu 16*). Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 811 (*biểu 17*).

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 811 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 16:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010*

*Đơn vị: USD*

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
03/12	GBC1210-002	Khách hàng trả tiền lô hàng mua tháng 11/2010	11222	131	5,875.25	5,875	USD	1
		...						
10/12	PC1210-022	Mua 200L dầu Diesel cho phòng sx	1524	1111	199.54	3,890,000	VND	19,495
		...						
31/12	GBC1210-031	Công ty CP Thép Hải Phòng nộp tiền do vi phạm hợp đồng	112	711	436.92	8,520,000	VND	19,500
<b>31/12</b>	<b>PC1210-040</b>	<b>Dịch vụ chăm sóc cây cảnh tháng 12/2010</b>	<b>811</b>	<b>111</b>	<b>12.54</b>	<b>244,500</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
		...						
		Cộng chuyển trang sau						

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 17:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI***Tài khoản 811: Chi phí khác**Năm 2010**Đơn vị: USD*

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đôi ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số chứng từ				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
31/12	PC1210-040	Dịch vụ chăm sóc cây cảnh tháng 12/2010	811	111	12.54		244,500		VND	19,500
31/12	KC1210-011	Kết chuyển chi phí khác	811	911		12.54		12.54	USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			12.54	12.54				
		Số dư cuối kỳ								

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi số

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

---

---

### 2.2.6.2 Thu nhập khác:

#### Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo Có của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác.

#### Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 711- Thu nhập khác.
- TK 111- Tiền mặt.
- TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.

#### Sổ sách kế toán sử dụng

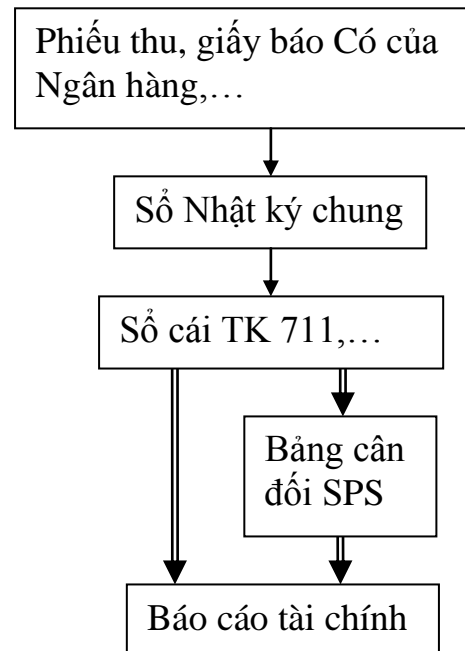
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 711, TK 111,...

#### Trình tự hạch toán thu nhập khác

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒





---

---

Ngân hàng INDOVINA

**GIẤY BÁO CÓ**

Số:1210-031

Ngày:31/12/2010



Kính gửi: Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 01319091089

Số tiền bằng số: 8,520,000 VND.

Số tiền bằng chữ: Tám triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng.

Nội dung: Công ty CP Thép và vật tư Hải Phòng nộp tiền phạt do vi phạm hợp đồng ( HĐGTGT số 0030672, ký hiệu BP/2009 ).

Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng IVB, kế toán hạch toán bút toán như sau: Nợ TK 112 : 436.92 USD

Có TK 711: 436.92 USD

Kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (*biểu 18*). Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ Cái TK 711 (*biểu 19*).

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 711 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

**Biểu 18:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
 Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010*

*Đơn vị: USD*

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
03/12	GBC1210-002	Khách hàng trả tiền lô hàng mua tháng 11/2010	11222	131	5,875.25	5,875	USD	1
		...						
10/12	PC1210-022	Mua 200L dầu Diesel cho phòng sx	1524	1111	199.54	3,890,000	VND	19,495
		...						
<b>31/12</b>	<b>GBC1210-031</b>	<b>Công ty CP Thép Hải Phòng nộp tiền do vi phạm hợp đồng</b>	<b>112</b>	<b>711</b>	<b>436.92</b>	<b>8,520,000</b>	<b>VND</b>	<b>19,500</b>
31/12	PC1210-040	Dịch vụ chăm sóc cây cảnh tháng 12/2010	811	111	12.54	244,500	VND	19,500
		...						
		Cộng chuyển trang sau						

Ngày...tháng...năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

**Biểu 19:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

Tài khoản 711: Thu nhập khác

Năm 2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số hiệu chứng từ				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ								
31/12	GBC1210-031	Công ty CP Thép Hải Phòng nộp tiền do vi phạm hợp đồng	711	112		436.92		8,520,000	VND	19,500
31/12	KC1210-012	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	436.92		436.92		USD	1
		Số phát sinh trong kỳ			436.92	436.92			USD	1
		Số dư cuối kỳ								

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

T.Giám Đốc

---

---

### 2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh:

Tại công ty, xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định (một năm), biểu hiện bằng tiền lãi hay lỗ.

✦ Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển doanh thu thuần.
- Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- Kết chuyển chi phí bán hàng.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>
<i>Lợi nhuận thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>( Chi phí quản lý + Chi phí bán hàng)</i>

✦ Để xác định kết quả hoạt động tài chính cần phải xác định được doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển doanh thu tài chính.
- Kết chuyển chi phí tài chính.

Việc xác định kết quả hoạt động tài chính được xác định như sau:

<i>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</i>	=	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	-	<i>Chi phí tài chính</i>
---	---	---	---	--------------------------

✦ Để xác định kết quả hoạt động khác cần phải xác định được các khoản thu nhập khác và chi phí khác phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển thu nhập khác.
- Kết chuyển chi phí khác.

Việc xác định kết quả hoạt động khác được xác định như sau:

<i>Lợi nhuận khác</i>	=	<i>Thu nhập khác</i>	-	<i>Chi phí khác</i>
-----------------------	---	----------------------	---	---------------------

**Xác định kết quả kinh doanh:**

<b><i>Tổng lợi nhuận</i></b>	=	<b><i>Lợi nhuận từ hoạt động SXKD</i></b>	+	<b><i>Lợi nhuận từ hoạt động TC</i></b>	+	<b><i>Lợi nhuận khác</i></b>
------------------------------	---	---	---	---	---	------------------------------

---

---

### Chứng từ kế toán sử dụng

- Sổ cái các tài khoản doanh thu, chi phí (TK 511, TK 632,...).
- Phiếu kế toán thể hiện các bút toán kết chuyển.

### Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

### Sổ sách kế toán sử dụng

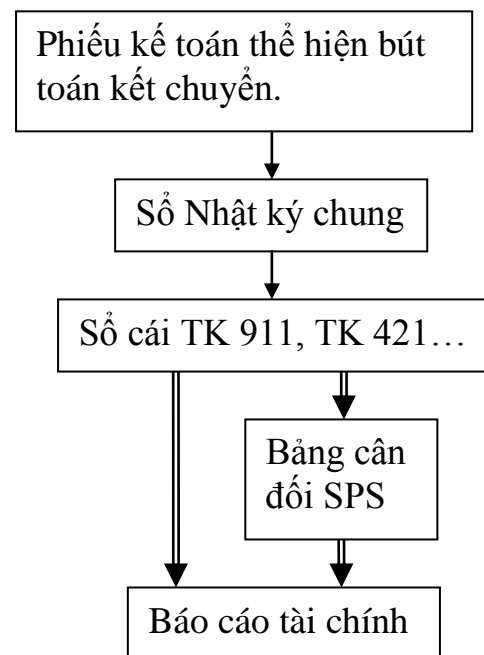
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 911, TK 421.

### Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

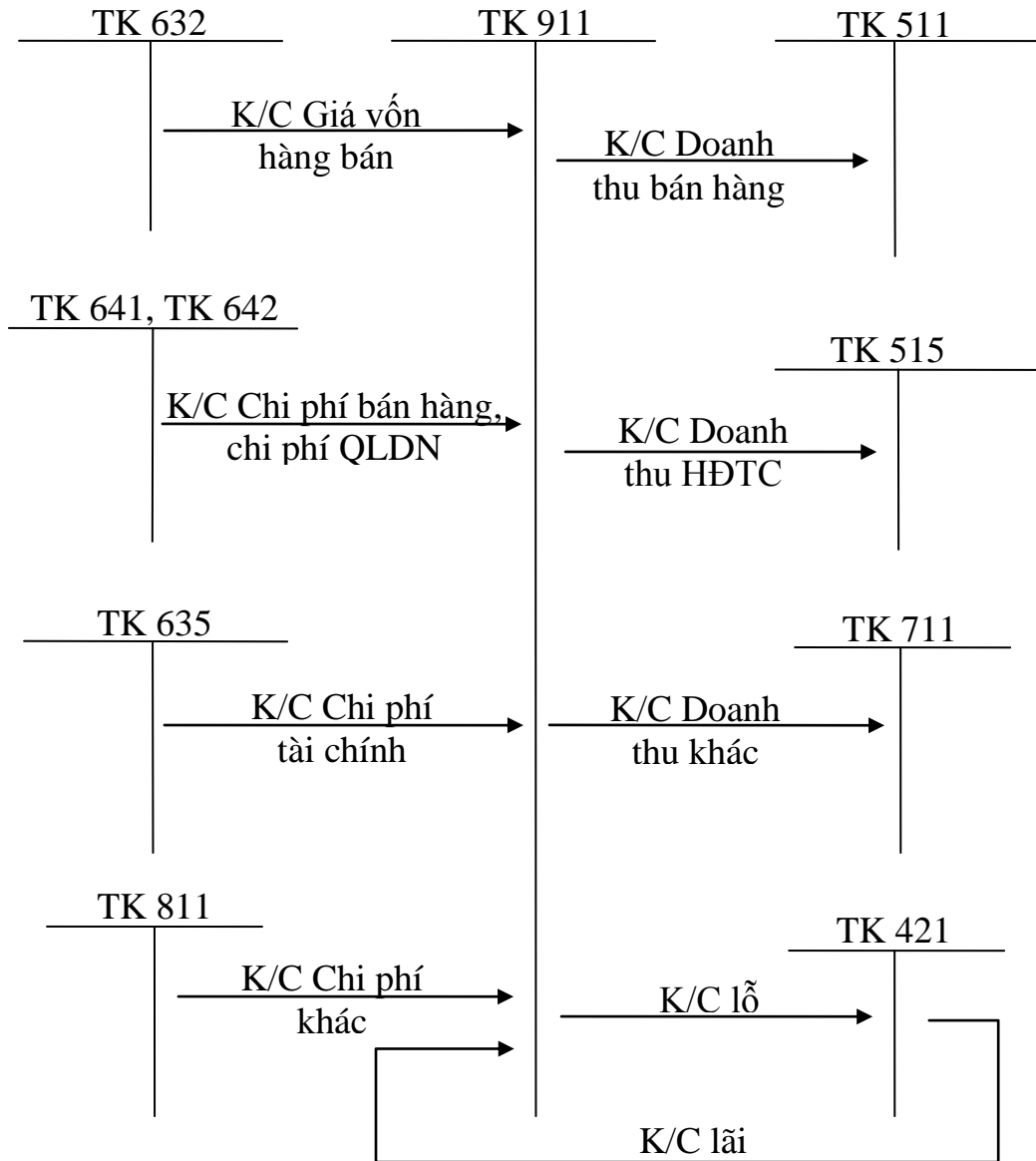
Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒



## Trình tự các bước tiến hành xác định kết quả kinh doanh



Căn cứ vào các phiếu kế toán thể hiện các bút toán kết chuyển, kế toán ghi nhận vào Sổ Nhật ký chung (biểu 20), từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 911 (biểu 21), Sổ cái TK 421 (biểu 22) và Sổ cái các tài khoản khác có liên quan.

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-005  
Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	1,678,326.15	5112	9111	1,678,326.15
	Cộng			1,678,326.15			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-006  
Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1,238,501.36			
	Cộng			1,238,501.36			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Người lập



Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-007

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	36,347.30	911	6417	36,347.30
	Cộng			36,347.30			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-009

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	154,880.11	911	6351	108,416.08
					911	6352	46,464.03
	Cộng			154,880.11			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-008

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	316,942.06	911	6421	112,451.51
					911	6422	6,038.23
					911	6423	963.82
					911	6424	5,976.08
					911	6425	1,284.70
					911	6427	114,732.19
					911	6428	75,495.53
	Cộng			316,942.06			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-010

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	33,453.20	5151	911	17,611.99
					5152	911	15,841.21
	Cộng			33,453.20			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-011

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	12.54	911	8112	12.54
	Cộng			12.54			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-012

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	436.92			
	Cộng			436.92			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: KC1210-013

Đơn vị: USD

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lỗ	421	911	34,467.10			
	Cộng			34,467.10			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

**Biểu 20:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**NHẬT KÝ CHUNG**

*Trích một số nghiệp vụ tháng 12/2010*

*Đơn vị: USD*

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số TK		Số tiền quy đổi	Số phát sinh		Tỉ giá
			Nợ	Có		Số tiền	Tiền tệ	
		Số trang trước chuyển sang						
		...						
31/12	KC1210-005	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	1,678,326.15		USD	1
31/12	KC1210-006	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1,238,501.36		USD	1
31/12	KC1210-007	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	36,347.30		USD	1
31/12	KC1210-008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	316,942.06		USD	1
31/12	KC1210-009	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	154,880.11		USD	1
31/12	KC1210-010	Kết chuyển doanh thu TC	515	911	33,453.20		USD	1
31/12	KC1210-011	Kết chuyển chi phí khác	911	811	12.54		USD	1
31/12	KC1210-012	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	436.92		USD	1
31/12	KC1210-013	Kết chuyển lỗ	421	911	34,467.10		USD	1
		Cộng chuyển trang sau						

**Biểu 21:****SỔ CÁI**

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2010

Đơn vị: USD

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỉ giá
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có	Nợ	Có		
		<b>Số dư đầu kỳ</b>								
31/12	KC1210-005	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	511		1,678,326.15			USD	1
31/12	KC1210-006	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1,238,501.36				USD	1
31/12	KC1210-007	Kết chuyển CPBH	911	641	36,347.30				USD	1
31/12	KC1210-008	Kết chuyển CPQLDN	911	642	316,942.06				USD	1
31/12	KC1210-009	Kết chuyển CPTC	911	635	154,880.11				USD	1
31/12	KC1210-010	Kết chuyển doanh thu TC	911	515		33,453.20			USD	1
31/12	KC1210-011	Kết chuyển chi phí khác	911	811	12.54				USD	1
31/12	KC1210-012	Kết chuyển thu nhập khác	911	711		436.92			USD	1
31/12	KC1210-013	Kết chuyển lỗ	911	421		34,467.10			USD	1
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			<b>1,746,683.37</b>	<b>1,746,683.37</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>								

**Biểu 22:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam  
Lô CN2.2B Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng.

**SỔ CÁI**

*Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối*  
*Trích một sổ nghiệp vụ tháng 12/2010*

*Đơn vị: USD*

Chứng từ		Diễn giải	Số TK	Đối ứng	Số tiền quy đổi		Số tiền phát sinh		Tiền tệ	Tỷ giá
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có	Nợ	Có		
		Số dư đầu kỳ			<b>1,803,068.65</b>					
31/12	KC1210-013	Kết chuyển lỗ	421	911	34,467.10			USD	1	
		Số phát sinh trong kỳ			<b>34,467.10</b>			<b>USD</b>	<b>1</b>	
		Số dư cuối kỳ			<b>1,837,535.75</b>					

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính : USD

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1,678,326.15</b>	<b>1,048,953.84</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1,678,326.15</b>	<b>1,048,953.84</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		1,238,501.36	788,854.37
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>439,824.79</b>	<b>260,099.47</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		33,453.20	20,908.25
7. Chi phí tài chính	22		154,880.11	98,649.75
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		154,880.11	98,649.75
8. Chi phí bán hàng	24		36,347.30	23,151.15
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		316,942.06	201,873.92
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(34,891.48)</b>	<b>(42,667.10)</b>
11. Thu nhập khác	31		436.92	273.08
12. Chi phí khác	32		12.54	7.99
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>424.38</b>	<b>265.09</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(34,467.10)</b>	<b>(42,402.01)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(34,467.10)</b>	<b>(42,402.01)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			



---

---

## **CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAKASHIMA VIỆT NAM**

### **3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

#### **3.1.1 Các kết quả đạt được:**

##### **3.1.1.1 Việc sử dụng hệ thống chứng từ:**

- Công ty đã tuân thủ đúng theo quy định về chế độ chứng từ kế toán trong Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành.

- Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở thực tế và pháp lý.

- Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác vào chứng từ.

- Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh trước khi tiến hành ghi sổ và được xử lý kịp thời.

- Các chứng từ được lưu chuyên tương đối tốt, đúng quy trình. Các chứng từ được phân loại, hệ thống hóa theo các nghiệp vụ, trình tự thời gian trước khi đi vào lưu trữ.

##### **3.1.1.2 Việc sử dụng hệ thống tài khoản:**

- Công ty đã áp dụng tương đối đầy đủ hệ thống tài khoản kế toán của Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Để phù hợp với tình hình và đặc điểm của Công ty, kế toán đã mở các tài khoản cấp 2, cấp 3... nhằm phản ánh một cách chi tiết hơn, cụ thể hơn tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

---

---

### **3.1.1.3 Việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán:**

- Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là “ Nhật ký chung”, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kế toán đã theo dõi chi tiết về doanh thu và giá vốn cho từng loại mặt hàng kinh doanh, giúp cho các nhà quản trị Công ty theo dõi được tình hình tiêu thụ của từng loại sản phẩm, để từ đó đưa ra được các biện pháp điều chỉnh sản xuất sao cho phù hợp.

### **3.1.1.4 Việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:**

- Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hàng ngày, các chứng từ kế toán phát sinh (đã qua kiểm tra tính xác thực) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán Công ty có mở Sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

### **3.1.2 Các tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nêu trên, kế toán Công ty còn có một số tồn tại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

---

---

### **3.1.2.1 Việc sử dụng hệ thống tài khoản:**

Thực tế, trong hệ thống tài khoản kế toán của Công ty không sử dụng các tài khoản “Chiết khấu thương mại”, “Chiết khấu thanh toán”. Đây là nhược điểm của công ty.

Do đặc thù của phương thức bán hàng tại Công ty mà hình thức thanh toán chủ yếu là thanh toán chậm, ta có thể thấy được trong kỳ khoản “Phải thu khách hàng” có số phát sinh tăng khá lớn, đây là một trở ngại của doanh nghiệp trong việc huy động vốn.

Bên cạnh đó, việc cho khách hàng hưởng khoản chiết khấu khi mua hàng với số lượng lớn cũng là một chiến lược cần thiết và đúng đắn, giúp tăng số lượng sản phẩm tiêu thụ, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

### **3.1.2.2 Việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán:**

Kế toán công ty đã có mở Sổ chi tiết bán hàng (TK 5112) và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán (TK 632) cho từng loại sản phẩm tiêu thụ, nhưng lại phân bổ Chi phí bán hàng (TK 641) và Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) cho toàn bộ số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ. Chính vì vậy, không xác định được chính xác, chi tiết kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, để từ đó các nhà quản trị Công ty có kế hoạch kinh doanh phù hợp.

### **3.1.2.3 Hạn chế về thị trường tiêu thụ:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam chuyên sản xuất các loại chân vịt, cung cấp cho Công ty TNHH Nakashima Holdings tại Nhật Bản. Khách hàng muốn mua sản phẩm phải đặt hàng trực tiếp bên Nhật. Nếu khách hàng là các doanh nghiệp tại Việt Nam, hay các nước lân cận, như: Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia,...thì việc mua sản phẩm của công ty sẽ gặp không ít khó khăn. Khi đó, quá trình vận chuyển hàng hóa từ Nhật đến các doanh nghiệp này phát sinh thêm khá nhiều chi phí, như: phí vận chuyển đường biển, phí bảo hiểm,...mà rủi ro lại rất cao.

---

---

### **3.2 Các kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nakashima Việt Nam:**

Từ những tồn tại nêu trên, em xin mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Nakashima Việt Nam. Các ý kiến riêng biệt sẽ thống nhất để đạt được mục đích chung. Đó là:

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.
- Tính toán được chính xác hơn, chi tiết, cụ thể hơn kết quả lỗ hay lãi cho từng loại sản phẩm. Để cung cấp thông tin cho các nhà quản trị của Công ty, giúp đưa ra những chính sách kinh doanh sao cho phù hợp.
- Khuyến khích khách hàng mua với số lượng lớn và thanh toán sớm cho doanh nghiệp.
- Mở rộng được thị trường tiêu thụ sản phẩm cho công ty.

#### **3.2.1 Đưa ra các mức chiết khấu phù hợp:**

Việc công ty cho khách hàng được hưởng các khoản chiết khấu là rất cần thiết và phù hợp. Nếu công ty cho khách hàng được hưởng % chiết khấu thanh toán thì sẽ khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, làm giảm các khoản “Phải thu khách hàng”, giải thoát được vấn đề ứ đọng vốn trong doanh nghiệp. Công ty cần phải tính toán chặt chẽ, chính xác để đưa ra được con số % sao cho phù hợp, vừa làm hài lòng khách hàng, vừa mang lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp. Nếu công ty đưa ra mức chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua hàng với số lượng lớn, nhất định sẽ giúp tăng khả năng tiêu thụ hàng hóa cho doanh nghiệp.

#### **3.2.2 Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ để xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng:**

Sản phẩm tiêu thụ của Công ty kinh doanh gồm nhiều loại, mỗi loại mang lại mức lợi nhuận khác nhau. Một trong những biện pháp tăng lợi nhuận là phải

chú trọng nâng cao doanh thu của mặt hàng có mức lãi cao. Vì vậy, kế toán của Công ty cần xác định được kết quả tiêu thụ của từng loại sản phẩm. Từ đó, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực tế, kế toán Công ty chỉ xác định kết quả kinh doanh chung cho tất cả các mặt hàng tiêu thụ, là do chưa thực hiện phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.

Để phân bổ các khoản chi phí này, cần phải lựa chọn một tiêu thức phân bổ sao cho phù hợp, khoa học. Vì chi phí bán hàng và chi phí quản lý của các sản phẩm không như nhau. Dựa vào đặc điểm của các sản phẩm tiêu thụ tại Công ty mà ta có thể lựa chọn tiêu thức phân bổ theo doanh số bán.

- Đối với các khoản chi phí bán hàng, sẽ được phân bổ như sau:

Chi phí bán hàng phân bổ cho loại sản phẩm thứ i	=	$\frac{\text{Doanh số bán loại sản phẩm thứ } i}{\text{Tổng doanh thu bán sản phẩm}}$	*	Tổng chi phí bán hàng cần phân bổ
--	---	---	---	-----------------------------------

- Đối với các khoản chi phí quản lý DN, sẽ được phân bổ như sau:

Chi phí quản lý DN phân bổ cho loại sản phẩm thứ i	=	$\frac{\text{Doanh số bán loại sản phẩm thứ } i}{\text{Tổng doanh thu bán sản phẩm}}$	*	Tổng chi phí quản lý DN cần phân bổ
--	---	---	---	-------------------------------------

Sau khi phân bổ được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại sản phẩm tiêu thụ, ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đó theo công thức sau:

Lãi (lỗ) của từng loại sp	=	Doanh thu thuần từng loại sp	-	Giá vốn hàng bán từng loại sp	-	CPBH phân bổ cho từng loại sp	-	CPQLDN phân bổ cho từng loại sp
---------------------------	---	------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------------------	---	---------------------------------

---

---

Xác định kết quả kinh doanh sản phẩm: chân vịt Cartello Model.

Tổng doanh thu trong kỳ	:	1,678,326.15
Doanh thu thuần chân vịt Cartello Model	:	503,497.85
Giá vốn hàng bán của Cartello Model	:	371,550.41
Chi phí bán hàng	:	36,347.30
Chi phí quản lý doanh nghiệp	:	316,942.06

Ta tiến hành phân bổ chi phí bán hàng theo doanh số bán:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí bán hàng phân bổ cho} &= \frac{503,497.85}{1,678,326.15} * 36,347.30 \\ \text{sp: chân vịt Cartello Model} & \\ &= 10,904.19 \text{ (USD)} \end{aligned}$$

Ta tiến hành phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo doanh số bán:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí quản lý DN phân bổ cho} &= \frac{503,497.85}{1,678,326.15} * 316,942.06 \\ \text{sp: chân vịt Cartello Model} & \\ &= 95,082.62 \text{ (USD)} \end{aligned}$$

---

---

**Biểu 23:**

**Bảng xác định kết quả kinh doanh mặt hàng: Chân vịt Cartello Model.**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam

**BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

*Tên mặt hàng: Chân vịt Cartello Model*

*Năm 2010*

*Đơn vị: USD*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kỳ này</b>
Doanh thu thuần	503,497.85
Giá vốn hàng bán	371,550.41
Lợi nhuận gộp	131,947.44
Chi phí bán hàng	10,904.19
Chi phí quản lý doanh nghiệp	95,082.62
Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng	25,960.63

Qua việc phân bổ trên, ta tính được lợi nhuận thuần của từng mặt hàng tiêu thụ. Cụ thể, đối với sản phẩm Chân vịt Cartello Model, lợi nhuận thuần chiếm khoảng 30% so với lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng của Công ty. Qua đó, thấy được sản phẩm Chân vịt Cartello Model là mặt hàng chủ lực của Công ty. Từ đó, giúp các nhà quản trị Công ty đưa ra những biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Bên cạnh đó, ta có thể biết được mặt hàng nào của Công ty kinh doanh không có hiệu quả để đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể.

---

---

### **3.2.3 Mở rộng thị trường tiêu thụ:**

Công ty TNHH Nakashima Việt Nam nên mở rộng thị trường tiêu thụ, bằng cách bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp trong nước cũng như các doanh nghiệp tại khu vực lân cận để tiết kiệm các khoản chi phí phát sinh. Thay vì phải mất nhiều chi phí vận chuyển, bảo hiểm đường biển cho lô hàng khi gửi từ Công ty TNHH Nakashima Holdings tại Nhật sang các nước đó, mà lại có rủi ro lớn thì có thể giao hàng trực tiếp từ công ty.



---

---

## KẾT LUẬN

Trong quá trình nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn, em đã mạnh dạn đi sâu vào đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nakashima Việt Nam”.

Chuyên đề đã đề cập và giải quyết một số vấn đề về tổ chức bộ máy công tác kế toán và việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả ở công ty TNHH Nakashima Việt Nam. Trên cơ sở thực tế đã nêu, chuyên đề đã đi sâu vào phân tích những ưu điểm cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục của hệ thống kế toán tại công ty. Từ đó, đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Tuy nhiên, do thời gian và trình độ còn hạn chế nên chuyên đề tốt nghiệp của em không tránh khỏi thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình của các Thầy Cô giáo để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn giảng viên hướng dẫn Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà và các cán bộ phòng kế toán công ty đã nhiệt tình hướng dẫn em hoàn thành chuyên đề này.

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2011*

Sinh viên

***Ngô Minh Hoàng***

---

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### SÁCH:

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1,2)\_NXB Thống Kê.
2. Nội dung và hướng dẫn 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam\_NXB Thống Kê.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ\_BTC\_NXB Thống kê – 2009.
4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam\_Năm 2006

### TÀI LIỆU

1. Một số bài luận văn tốt nghiệp khác.
2. Tài liệu kế toán của công ty.